



**LUẬN VĂN:**

**Phát triển kinh tế hợp tác trong  
nông nghiệp ở tỉnh Kiên Giang**

## **mở đầu**

### **1. Tính cấp bách của đề tài**

Đối với Việt nam, nông nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt. Nó chiếm vị trí trọng yếu trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân, hơn 80% dân số ở nông thôn và 70% sống bằng nghề nông.

Trong những năm gần đây, nền nông nghiệp có bước chuyển biến đáng kể. Nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm cả nông lâm ngư nghiệp có bước phát triển tương đối toàn diện, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp không ngừng tăng lên; các mặt hàng hóa nông sản thực phẩm được sản xuất ra không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, mà còn xuất khẩu; đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt thành thị và nông thôn từng bước được đổi mới.

Sự tiến bộ đó gắn liền với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, nhìn lại chặng đường trước đây (1980 trở về trước) do chủ quan nóng vội và do duy ý chí, chúng ta đã đưa nông nghiệp rơi vào tình trạng trì trệ kéo dài. Do sử dụng cơ chế hành chính tập trung bao cấp đã lỗi thời để quản lý nền kinh tế, đồng thời lại muốn đưa nông nghiệp tiến nhanh lên sản xuất lớn chúng ta đã ồ ạt tập thể hóa tư liệu sản xuất, thông qua các hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã ở các tỉnh miền Nam trong khi tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp còn ở mức quá thấp. Kết quả là quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu dưới hình thức tập thể ra đời, với qui mô quá lớn và trình độ quá cao, trở nên phản tác dụng và kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Từ khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương (ngày 13/11/1981), nhất là từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (ngày 05/4/1988) các tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã nông nghiệp có sự chuyển biến mới. Một số chuyển sang hoạt động dưới những hình thức mới, một số tồn tại nhưng không hoạt động và một số bị tan rã. Người nông dân quay về hoạt động kinh tế hộ gia đình, họ đã thực hiện quyền tự chủ của mình trong quản

lý đất đai và lao động, gắn lao động với đất đai và họ thật sự quan tâm đến kết quả lao động, do vậy kết quả sản xuất nông nghiệp không ngừng tăng lên.

Để đẩy mạnh kinh tế hợp tác trên cơ sở nhận thức mới Đảng ta đã ban hành Chỉ thị 68 khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác trên các lĩnh vực trong đó có kinh tế nông nghiệp với nội dung hoàn toàn mới so với trước đây.

Kiên Giang là một tỉnh mà nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, điều kiện tự nhiên có nhiều khó khăn, lại có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống, trình độ dân trí thấp, thu nhập không cao, đời sống còn nhiều thiếu thốn.

Trong những năm cải tạo nông nghiệp, cũng như các tỉnh ở phía Nam, hầu hết nông dân Kiên Giang đều gia nhập vào tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã.

Trong tình hình mới có nhiều tập đoàn sản xuất, hợp tác xã không chuyên đổi kịp bị tan rã; một số còn tồn tại trên danh nghĩa. Một số tập đoàn sản xuất, hợp tác xã chỉ thực hiện hợp tác một số khâu và đã có tác dụng tích cực giúp hộ kinh tế gia đình hoạt động tốt. Tuy nhiên, trong điều kiện mới, hoạt động của các hợp tác xã kiểu mới và các hình thức hợp tác khác trong nông nghiệp còn nhiều lúng túng.

Vi vậy nghiên cứu kinh tế hợp tác kiểu mới trong nông nghiệp ở Kiên Giang là rất cần thiết. Đã có nhiều đề tài nghiên cứu về kinh tế hợp tác, nhưng nghiên cứu kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là một đề tài mới, chưa được nhiều tác giả đi sâu đề cập. Do đó tôi chọn đề tài "***Phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở tỉnh Kiên Giang***" để làm luận văn Thạc sĩ kinh tế.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Nông nghiệp nông thôn nói chung, kinh tế hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp nói riêng là một trong những vấn đề được Đảng và Nhà nước luôn quan tâm. Trong suốt quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đặc biệt từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị cho đến nay, vấn đề kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp là chủ đề nghiên cứu được nhiều cơ quan khoa học, nhiều nhà nghiên cứu và các cán bộ chỉ đạo thực tiễn quan tâm. Trong đó nhiều công trình đã được công bố như:

- *Hợp tác hóa nông nghiệp Việt Nam - lịch sử và triển vọng* của PTS Chử Văn Lâm, PTS Trần Quốc Toàn và các tác giả, NXB Sự thật, H, 1933.

- *Lý luận về hợp tác hóa nông nghiệp - kinh nghiệm lịch sử và sự vận dụng ở nước ta*, do Giáo sư PTS Lưu Văn Sùng chủ biên. Nxb Sự thật, H, 1990.

- *Vài nét về hợp tác hóa nông nghiệp ở các nước trên thế giới*, của Nguyễn Văn Điền, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 178, H, 1990.

- *Định hướng mô hình hợp tác xã sản xuất trong cơ chế quản lý mới*, Tạp chí Nông nghiệp, công nghiệp - thực phẩm số 8, 1990 của Võ Ngọc Hoài.

- *Hợp tác hóa nông nghiệp - kinh nghiệm nước ngoài*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, H, 1989.

- *Báo cáo phân tích thống kê 30 hợp tác hóa nông nghiệp*. Tổng cục Thống kê 1989.

Ngoài ra còn nhiều luận án PTS, Thạc sĩ kinh tế viết về đề tài hợp tác xã nông nghiệp như: *Đổi mới mô hình hợp tác xã nông nghiệp hiện nay ở huyện An Lão, Hải Phòng*. Luận án PTS kinh tế của Đoàn Văn Dân, H, 1994 hay *Đổi mới mô hình hợp tác xã nông nghiệp địa bàn tỉnh Thái Bình*. Luận án Thạc sĩ của Nguyễn Văn Sử, H, 1994 và cùng nhiều công trình khác.

Song về hợp tác xã nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long và đặc biệt ở tỉnh Kiên Giang thì chưa có công trình nào trình bày có hệ thống.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích của luận văn là: phân tích sự cần thiết khách quan phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Kiên Giang thông qua khảo sát thực tế, đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp để phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp vào thời gian tới.

Để thực hiện mục đích trên luận văn có nhiệm vụ:

- Luận giải sự cần thiết phải phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tại Kiên Giang.

- Phân tích đánh giá thực trạng kinh tế hợp tác và rút ra ưu điểm thiếu sót, những bài học kinh nghiệm, từ đó đặt ra những vấn đề cần giải quyết trong thời gian sắp tới.

- Xác lập các quan điểm để đưa ra phương hướng và các giải pháp nhằm phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở Kiên Giang.

#### **4. Về đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Luận án lấy kinh tế hợp tác trong nông nghiệp và vận dụng kinh tế hợp tác ở tỉnh Kiên Giang làm đối tượng nghiên cứu.

Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp có nội dung rộng, luận án chỉ đi *sâu nghiên cứu trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi ở nông thôn và giới hạn từ đổi mới đến nay*. Dưới góc độ kinh tế chính trị, luận án chỉ đề cập tới những vấn đề cơ bản ở tầm vĩ mô.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu của luận án**

Luận án sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phương pháp phân tích tổng hợp, trừu tượng hóa kết hợp với lô gích lịch sử để làm cơ sở nghiên cứu.

#### **6. Những đóng góp mới của luận án**

- Hệ thống và vận dụng những vấn đề lý luận thực tiễn có liên quan đến kinh tế hợp tác để luận giải sự cần thiết khách quan phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở Kiên Giang.

- Thông qua sự khảo sát thực tế để tìm ra những ưu điểm và hạn chế của kinh tế hợp tác, hợp tác xã để chỉ ra những vấn đề cần giải quyết sắp tới.

- Đưa ra các quan điểm, phương hướng và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở tỉnh Kiên Giang.

#### **7. Kết cấu luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương, 8 tiết.

## ***Chương 1***

### **Phát triển kinh tế hợp tác - một đòi hỏi bức xúc để đưa kinh tế nông nghiệp lên kinh tế hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

#### **1.1. Những quan điểm cơ bản của các tác giả kinh điển của một số nhà kinh tế học, của Đảng và Bác Hồ về phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp**

##### **1.1.1. Quan điểm của Mác - Ăngghen, Lênin và một số nhà kinh tế học**

Kinh tế hợp tác mà đỉnh cao là hợp tác xã nông nghiệp, đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử, sự xuất hiện ấy bắt nguồn từ điều kiện đặc thù trong hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nó đòi hỏi những người nông dân phải liên kết lại với nhau trên tinh thần dân chủ tự nguyện để sử dụng tốt nhất những ưu thế về sức mạnh của tập thể cũng như từng cá nhân nhằm giúp nhau trong sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập và nâng cao đời sống.

Sự ra đời của kinh tế hợp tác và hợp tác xã không phải do ý muốn chủ quan của con người mà nó xuất phát từ thực tế khách quan theo yêu cầu của qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất qui định.

Trong thời gian trước đây, ở nước ta cũng như nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác đã tiến hành xây dựng kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp, đã thu được nhiều thành tựu đáng kể, nhưng bên cạnh đó cũng vấp phải những sai lầm thiếu sót không nhỏ.

Trong những năm đổi mới của đất nước, Đảng ta đã chủ trương xây dựng và phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế kể cả kinh tế nông nghiệp theo tinh thần Chỉ thị 68/CT-BBT.TW (khóa VII). Do đó việc nghiên cứu các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, của các nhà kinh tế học trên thế giới, quan điểm của Bác Hồ, của Đảng ta là điều rất cần thiết, nhằm giúp ta nhận thức và vận dụng các quan điểm đó vào thực tiễn đúng đắn và có đầy đủ cơ sở khoa học.

Trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn và vấn đề nông dân C.Mác-Ph.Ăngghen và Lênin đã có nhiều tác phẩm, bài viết, bài báo và các bài nói chuyện rất có giá trị, đặc biệt về chỉ đạo việc tổ chức và phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

Đối với C.Mác lúc ban đầu khi nghiên cứu công nghiệp hóa đặc thù ở nước Anh, ông có dự đoán rằng: với quá trình tách người nông dân ra khỏi ruộng đất một cách ồ ạt, thì nông dân bị thủ tiêu và nông nghiệp sẽ được tổ chức lại thành những "đại điền trang" tư bản chủ nghĩa, sử dụng lao động làm thuê, qua đó sẽ tách người nông dân ra khỏi tư liệu sản xuất mà trước hết là ruộng đất.

Nhưng sau khi nghiên cứu thực tiễn một số nước công nghiệp phát triển C.Mác thừa nhận dự đoán ban đầu của mình là không thích hợp ngay cả ở nước Anh công nghiệp. Bất chấp xu hướng ban đầu khi đã "dọn sạch mặt đất" nước Anh công nghiệp, thì nông trại gia đình trên thực tế, không sử dụng lao động làm thuê, vẫn ngày càng phát triển và càng tỏ rõ sức sống và hiệu quả của nó.

Chính vì thế, trong quyển III Bộ tư bản C.Mác đã kết luận: "...với thời gian cho đến nay đã khẳng định được hình thức lâu nhất không phải là nông trại công nghiệp hóa, mà là nông trại gia đình, thực tế không dùng lao động làm thuê. ở các nước chia cắt đất thành khoảnh nhỏ, giá lúa mì rẻ hơn những nước có phương thức sản xuất tư bản". Trên đây cũng chỉ là những ý tưởng ban đầu của C.Mác về kinh tế hợp tác và ông cũng chưa thấy hết triển vọng của kinh tế hợp tác đối với xã hội tương lai, chính vì thế khi khai thác các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng; đặc biệt là Robe-Ô-oen đã đề xướng vấn đề chủ nghĩa xã hội "hợp tác xã" tức là dùng biện pháp tập hợp dân cư vào hợp tác xã và cũng có thể biến kẻ thù giai cấp thành hợp tác giai cấp và biến đấu tranh giai cấp thành hòa bình giai cấp... C.Mác kịch liệt phê phán tư tưởng nói trên, đồng thời ông cho rằng sau khi giai cấp vô sản giành lấy chính quyền thì có thể chuyển trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản mà không cần có bước quá độ trung gian.

Nhưng sau đó xuất phát từ thực tiễn lịch sử và sự hình thành các hợp tác xã nông nghiệp, sau cách mạng dân chủ tư sản ở Châu Âu 1868-1896, hai ông đã thấy được triển vọng của hợp tác xã. Trong tác phẩm "vấn đề nông dân ở Pháp và Đức, Ph.Ăngghen có đề cập" khi chúng ta nắm được chính quyền, chúng ta không nghĩ đến dùng bạo lực để

tước đoạt tiểu nông... nhiệm vụ của chúng ta đối với tiểu nông trước hết phải hướng quyền sở hữu cá thể và nền kinh doanh cá thể của họ vào con đường kinh doanh hợp tác, không phải bằng bạo lực mà bằng những tấm gương và sự giúp đỡ của xã hội [18, 583], đồng thời Ph.Ăngghen cũng nhấn mạnh "khi chuyển sang nền cộng sản hoàn toàn, chúng ta phải ứng dụng rộng rãi nền kinh tế hợp tác làm khâu trung gian".

Để chăm lo lợi ích cho người tiểu nông Ph.Ăngghen còn đưa ra luận điểm: "Chúng ta cương quyết đứng về phía người tiểu nông; chúng ta phải tìm mọi cách để làm cho số phận của họ được dễ chịu hơn; để cho sự chuyển sang hợp tác dễ dàng hơn; nếu họ quyết chuyển như thế". Còn ngược lại người tiểu nông chưa quyết định được thì theo ông nên: "Để cho họ có thời gian suy nghĩ với tư cách là người sở hữu mảnh đất của họ" [18, 586].

Đồng thời để lôi kéo người nông dân đi vào con đường kinh tế hợp tác C.Mác cũng đã nhấn mạnh: Giai cấp vô sản cần phải với tư cách là chính phủ áp dụng những biện pháp thực tiễn cải thiện tình cảnh người nông dân để tiếp tục lôi cuốn người nông dân về phía cách mạng, áp dụng những biện pháp nhằm giảm bớt khó khăn của giai đoạn quá độ từ sở hữu tư nhân sang sở hữu tập thể về ruộng đất, vào lúc đó mới chỉ bắt đầu để người nông dân tự đi đến phương thức đó, không được làm họ kinh sợ bằng những tuyên bố như tước bỏ quyền thừa kế, loại bỏ sở hữu của họ.

Sau khi C.Mác qua đời Ph.Ăngghen tiếp tục nghiên cứu vấn đề hợp tác hóa và vấn đề quan hệ với nông dân. Trong tác phẩm "Vấn đề nông dân ở Pháp và Đức" ông đã đề cập đến những vấn đề có giá trị lớn như chính sách nông nghiệp của Nhà nước, các hình thức khoán thuê trong nông nghiệp... giúp cho những người tiểu nông thoát khỏi cảnh bị phá sản. Lấy đất thuộc sở hữu của Nhà nước hoặc lĩnh canh cho những người nông dân không đất thuê canh tác.

Đặc biệt ông còn đặt ra: "Xã phải mua máy nước nông nghiệp rồi cho nông dân thuê theo giá vốn, lập hợp tác xã nông nghiệp... phục vụ sản xuất cho nông dân... lập các trường, trạm phục vụ huấn luyện nông dân sản xuất nông nghiệp..." [18, 568-570].



*Tóm lại:* C.Mác và Ph.Ăngghen khi xem xét vấn đề nông dân và nông nghiệp đã rút ra kết luận: nông nghiệp có đặc trưng riêng khác với công nghiệp. C.Mác đã chuyển từ lập trường xã hội - xã hội hóa theo phương thức công nghiệp sang lập trường coi trọng kinh tế hộ nông dân. C.Mác và Ph.Ăngghen cũng đã chỉ ra những nguyên tắc trong phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp như tự nguyện, dân chủ, bình đẳng...

*Kế tục sự nghiệp của C.Mác và Ph.Ăngghen, Lênin* đã tìm ra con đường để đưa nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội, ông không chỉ bổ sung để hoàn thiện về mặt lý luận, mà còn vận dụng lý luận về phát triển kinh tế hợp tác vào nước Nga Xô viết.

Lý luận về phát triển kinh tế hợp tác của V.I.Lênin có sự phát triển qua từng giai đoạn lịch sử. Năm 1908 trong cương lĩnh của Đảng xã hội dân chủ, khi nghiên cứu con đường phát triển của nước Nga tư bản chủ nghĩa, Người còn cho rằng không thể phát triển nông nghiệp theo con đường tư bản chủ nghĩa kiểu Phổ (kiểu đại điền trang) mà phải là "một chủ trại tự do, trên mảnh đất tự do, nghĩa là mảnh đất đã dọn sạch tàn tích trung cổ. đó là kiểu Mỹ" [15, 155].

Về con đường đưa nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội, ban đầu V.I.Lênin nhấn mạnh tính tự phát tiểu tư sản của nền kinh tế tiểu nông, đó là nền kinh tế "hàng ngày, hàng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản" do đó V.I.Lênin đề ra con đường trực tiếp đưa nông dân đi lên chủ nghĩa cộng sản. Song, từ thực tiễn nước Nga đã chứng minh giải pháp đó là không phù hợp với đặc điểm sản xuất nông nghiệp và tâm lý nguyện vọng của nông dân, đó là chính sách kinh tế mới và chế độ hợp tác xã.

Từ mùa xuân năm 1921, những nội dung cơ bản của mô hình kinh tế theo chính sách kinh tế mới đã hình thành và cũng trở nên rõ nét. Mục tiêu của mô hình này là phát triển tối đa lực lượng sản xuất, từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, tạo tiền đề vật chất để xã hội hóa sản xuất trong thực tế, mục tiêu cuối cùng vẫn là cải thiện đời sống nhân dân. Nội dung chủ yếu của *chính sách kinh tế mới* đề cập đến những vấn đề cơ bản đó là:

- Trao đổi hàng hóa được xem là "đòn xeo" của chính sách kinh tế mới, được đưa lên hàng đầu do Nhà nước nắm.

- Sử dụng và cải tạo dần cơ cấu kinh tế cũ làm cho nó thích ứng với chủ nghĩa xã hội, chứ không đập tan nó bằng biện pháp hành chính.

- Phát triển chủ nghĩa tư bản trong nước và hướng nó vào tư bản chủ nghĩa Nhà nước.

- Thu hút tư bản nước ngoài và sử dụng nó có lợi cho chủ nghĩa xã hội dưới nhiều hình thức và trình độ khác nhau.

- Thu hút những người tiểu sản xuất vào các loại hình hợp tác xã, trên cơ sở tự nguyện có sự giúp đỡ và ưu đãi của Nhà nước.

- Sử dụng nhiều hình thức phân phối, quan tâm đến lợi ích người lao động.

- Chuyển các xí nghiệp quốc doanh sang hạch toán kinh tế và quản lý bằng biện pháp kinh tế là chủ yếu.

Đồng thời bằng phương pháp phân tích khoa học về nguyên nhân khách quan và chủ quan của cuộc khủng hoảng chính trị sau nội chiến V.I.Lênin đưa ra quan điểm là: *phải bắt đầu từ nông dân*. Người chỉ ra giải pháp phải bắt đầu từ khôi phục nông nghiệp, từ cải thiện đời sống nông dân mà cải thiện đời sống công nhân và các tầng lớp khác. V.I.Lênin nói: "Vì muốn cải thiện đời sống công nhân phải có bánh mì và nhiên liệu. Đúng về phương diện toàn bộ nền kinh tế quốc dân của chúng ta mà nói, thì hiện nay "trở ngại" lớn nhất là ở chỗ đó, chúng ta muốn tăng thêm sản xuất, thu hoạch lúa mì và tăng dự trữ... bằng cách cải thiện đời sống nông dân - nâng cao năng lực sản xuất của họ. Phải bắt đầu từ nông dân" [15, 169].

Để khôi phục nông nghiệp cải thiện đời sống nông dân V.I.Lênin đề ra chính sách thuế lương thực, khôi phục kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp, mở rộng trao đổi hàng hóa giữa công nghiệp với nông nghiệp. Đồng thời, V.I.Lênin cũng hết sức chú trọng đến *phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp*. Trong tác phẩm bàn về chế độ hợp tác V.I.Lênin viết: "ở nước ta về chính sách Nhà nước do giai cấp công nhân nắm, mọi tư liệu sản xuất đều do Nhà nước nắm nên trên thực tế chúng ta chỉ có việc đưa nhân dân vào các hợp tác xã. Khi nhân dân vào các hợp tác xã tới mức đông nhất, thì chủ nghĩa xã hội tự nó được thực hiện" [15, 238].

Người còn coi hợp tác xã là: "Con đường đơn giản nhất; dễ dàng nhất và dễ tiếp thu nhất đối với nông dân" [15, 239].

Vào cuối năm 1918, khi khuynh hướng mệnh lệnh để cưỡng bức nông dân xảy ra ở nhiều nơi, để ép buộc họ thực hiện chế độ canh tác tập thể, V.I.Lênin đã kịch liệt lên án, trong Đại hội VIII Đảng cộng sản Nga cũng đã gay gắt phê phán: "ở đây mà dùng bạo lực thì có nghĩa là làm nguy hại đến toàn bộ sự việc; ở đây điều cần thiết phải làm là công tác giáo dục lâu dài... công xã phải tổ chức làm sao để chiếm được lòng tin của nông dân... và không bao giờ được dùng mệnh lệnh" [15, 243].

V.I.Lênin còn chỉ ra cho *Nhà nước phải có chính sách giúp đỡ các tổ chức hợp tác* hưởng một số những đặc quyền về kinh tế, tài chính, ngân hàng... và phía Nhà nước: "Qui định tỷ mỹ một thực tiễn nữa, nghĩa là chúng ta còn phải xác định hình thức "tiền thưởng" (và những điều kiện cấp tiền thưởng) cấp cho hợp tác xã, hình thức làm cho chúng ta có thể giúp đỡ có hiệu quả các hợp tác xã và đào tạo những xã viên văn minh" [15, 243].

Để lôi kéo nông dân vào kinh tế hợp tác, cải thiện đời sống. V.I.Lênin chủ trương: "Việc thu thuế phải đặc biệt được giảm nhẹ trong mọi trường hợp, không được do dự và ngay cả trong việc giảm tổng số thuế".

"Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải hết sức mở rộng việc giúp đỡ nông dân... cung cấp cho họ những sản phẩm công nghiệp (phục vụ sản xuất và đời sống)... để bảo đảm lao động và đời sống của nông dân" [15, 252].

Ngoài sự giúp đỡ của Nhà nước đối với nông dân. V.I.Lênin còn chỉ ra rằng việc xây dựng hợp tác xã là một *việc làm khó khăn, phải trải qua một quá trình lâu dài* "hợp tác xã là bước quá độ sang chế độ mới". Cho nên muốn thành công cần phải có "cả một thời kỳ lịch sử".

V.I.Lênin cũng *chỉ ra nguyên tắc* trong phát triển kinh tế hợp tác phải trên cơ sở: "tự nguyện, dân chủ, bình đẳng và cùng có lợi" và do tính chất phức tạp trong sản xuất nông nghiệp, V.I.Lênin còn chỉ ra hình thức tổ chức phải đa dạng, phong phú và có bước đi thích hợp...

Nếu như trong thời kỳ thực hiện chính sách kinh tế "cộng sản thời chiến", Người chủ trương trong lĩnh vực lưu thông thành lập các hợp tác xã tiêu dùng để trung thu, trung mua lương thực và phân phối sản phẩm, còn trong lĩnh vực sản xuất, tổ chức các nông trường quốc doanh, các công xã nông nghiệp, các hiệp hội canh tác tập thể... thì đến khi thực hiện chính sách kinh tế mới, V.I.Lênin chủ trương phát triển kinh tế hợp tác trên cơ sở sản xuất hàng hóa và trao đổi hàng hóa. Theo V.I.Lênin thì hợp tác phải bắt đầu từ khâu lưu thông vì ông cho rằng thương nghiệp bán buôn có thể liên kết hàng triệu người nông dân lại với nhau, từ đó dẫn họ đến hợp tác trong các lĩnh vực sản xuất và hình thành các hợp tác xã trong lĩnh vực sản xuất.

Sau khi Ph.Ăngghen qua đời, *C.Cauxky* là người kế tục và có những cống hiến xuất sắc, đặc biệt là công trình nghiên cứu về nông nghiệp và phong trào hợp tác hóa trong các nước tư bản. Theo ông, nông nghiệp phát triển không cùng một kiểu với công nghiệp, mà theo những quy luật đặc thù của nó. Ông nhấn mạnh sự khác nhau cơ bản nhất của công nghiệp và nông nghiệp là ở chỗ, nông nghiệp sản xuất thường gắn liền với kinh tế gia đình. Cho nên, sản xuất lớn trong nông nghiệp không phải lúc nào cũng có ưu thế hơn sản xuất nhỏ. Nhưng *C.Cauxky* đã có nhận xét rất đúng, khi so sánh doanh nghiệp lớn của nông dân này với doanh nghiệp nhỏ của nông dân khác, cùng canh tác một loại cây trồng, trong cùng một điều kiện thì rõ ràng doanh nghiệp lớn "ưu việt hơn, nếu không phải về mặt kỹ thuật thì ít ra cũng về mặt kinh tế" [12, 12].

Từ quan niệm trên ông đi sâu nghiên cứu các nguyên nhân của sản xuất nhỏ trong nông nghiệp có đủ sức cạnh tranh, chống lại những ưu thế của sản xuất lớn. Đó là "sự chuyên cần hơn và sự chăm sóc cần mẫn của người lao động khi anh ta làm cho chính bản thân anh ta" [12, 12]. Đây là điểm anh ta khác với lao động làm thuê.

Trên cơ sở phân tích toàn diện các khía cạnh từ lý luận đến thực tiễn *C.Cauxky* đi tới kết luận về sự ưu việt của kinh tế hợp tác xã so với kinh tế riêng lẻ, độc lập của người nông dân cá thể. Nhưng hợp tác xã mà *C.Cauxky* nêu ra là nói đến những hợp tác xã nông nghiệp do nông dân tự nguyện cùng nhau lập ra; mọi quyết định phương hướng sản xuất trên cơ sở dân chủ, đồng thuận và cùng hưởng lợi ích, cùng chịu trách nhiệm về rủi ro. Hợp tác xã như thế là thực hiện một bước xã hội hóa lực lượng sản xuất và là sự tiến

bộ về quan hệ sở hữu. Hình thức hợp tác xã giúp người nông dân nâng cao năng suất lao động, nâng cao thu nhập, giúp họ giải quyết được những công việc lớn, liên quan đến nhiều người.

Nhà nông học nổi tiếng thế giới người Nga *A.V.Trai-a-nốp* đã nghiên cứu phong trào hợp tác xã ở nhiều nước trên thế giới như: Italia, Bi, Anh, Đức và một số nước ở Châu Mỹ La tinh. Ông đã khẳng định *hợp tác xã nông nghiệp là sự bổ sung cho kinh tế nông dân*, phục vụ cho nó và vì thế mà "thiếu kinh tế hộ nông dân thì hợp tác xã sẽ không còn ý nghĩa gì cả" [12, 16]. Ông còn cho rằng hợp tác xã chỉ xã hội hóa một phần sản xuất và quá trình đó không phá vỡ kinh tế hộ nông dân, nghĩa là kinh tế hộ nông dân chỉ hợp tác với nhau phần sản xuất, mà ở đó tập thể có ưu thế hơn từng hộ làm ăn riêng lẻ. *A.V.Trai-a-nốp* cũng còn đề cập đến *nguyên tắc tổ chức* hợp tác xã là tự nguyện, hình thức quản lý phải dân chủ, đề cao trách nhiệm gắn với lợi ích và phải đưa lại hiệu quả kinh tế cao hơn. ý chí tập thể được phản ánh thông qua ban lãnh đạo. Sự tồn tại và phát triển của hợp tác xã phụ thuộc vào cả "ý chí tập thể" và năng lực, trách nhiệm của ban lãnh đạo. Ông cũng nhấn mạnh, sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp là con đường phức tạp và hết sức khó khăn. Bởi vì, theo ông sự hình thành hợp tác xã nông nghiệp không chỉ nhằm giải quyết thuần túy vấn đề kinh tế, mà còn có các vấn đề chính trị - xã hội. Nên tổ chức hợp tác xã phải tính đến đặc thù của mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi sản phẩm và các mối liên hệ với thị trường. Những vấn đề ấy chỉ có thể giải quyết được với sự "am hiểu hợp tác" và "sự kiên trì hợp tác".

Về hình thức tổ chức hợp tác xã, theo *A.V.Trai-a-nốp* thì các hộ nông dân chỉ hợp tác với nhau phần sản xuất, mà ở đó làm ăn tập thể có ưu thế hơn làm ăn của từng hộ riêng lẻ. Ông còn nhấn mạnh rằng, hợp tác phù hợp với sản xuất nông nghiệp là hợp tác dịch vụ sản xuất cho kinh tế hộ nông dân.

Quan điểm của *A.V.Trai-a-nốp* về hợp tác hóa kinh tế nông nghiệp trước hết phải "tách rời khỏi người nông dân những dịch vụ do các hợp tác xã cung ứng tiêu thụ. Tách rời những việc sơ chế nông sản và xây dựng những xưởng, trạm chế biến ngay tại cơ sở sản xuất của hệ thống hợp tác xã theo vùng lãnh thổ. Thông qua hệ thống này, thiết lập các mối quan hệ kinh tế giữa các hộ nông dân với các xí nghiệp công nghiệp và các đơn

vị kinh doanh thương mại. Mỗi liên hệ đó đưa nông sản của người nông dân làm ra đến các thị trường trong nước và quốc tế".

*Tóm lại*, những tư tưởng về kinh tế hợp tác của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin và các nhà khoa học Cauxky, Trai-a-nốp cho đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị. Việc nghiên cứu và hệ thống hóa tư tưởng của các nhà khoa học, giúp ta có cơ sở khách quan để đánh giá việc làm trong thời gian qua, rút ra những việc làm đúng và những thiếu sót, sai lầm để trên cơ sở đó tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác trong thời gian tới đúng với quy luật phát triển, phù hợp với điều kiện nước ta nói chung và điều kiện tỉnh Kiên Giang nói riêng.

### **1.1.2. Các quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp**

Chủ tịch Hồ Chí Minh từ khi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã nghiên cứu và rất coi trọng đến vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Trong tác phẩm "Đường Cách Mệnh" (1927) Người đã viết về vấn đề tổ chức nông dân, đề ra đường lối xây dựng hợp tác xã. Trong tác phẩm, Người đã hệ thống lại lịch sử phong trào hợp tác xã trên thế giới như: Anh, Pháp, Nga, Đan Mạch, Đức, Nhật... Nêu lên mục đích hợp tác xã trước hết là có lợi cho dân. Nêu cơ sở lý luận và hình thức hợp tác như: mua bán, tín dụng, dịch vụ sản xuất, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm, hợp tác xã sản xuất và các tổ chức hợp tác xã.

Sau năm 1954, miền Bắc được giải phóng và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp và Người cũng có nhiều bài viết, bài nói về hợp tác hóa. ở đây chúng ta chỉ đề cập đến những vấn đề có tính nguyên tắc: trong lần nói chuyện với nông dân các hợp tác xã nông nghiệp Cầu Thành (Thái Nguyên), Người nhấn mạnh: muốn phát triển nông nghiệp, nâng cao đời sống nông dân "phải vào tổ đổi công và hợp tác xã... Muốn vào tổ đổi công và hợp tác xã được tốt, phải đoàn kết mọi người, phải tự nguyện tham gia, phải bàn bạc dân chủ và phải tính toán công bằng, hợp lý... Đối với cán bộ đảng viên, Người chủ trương: "phải xung phong vào tổ đổi công, hợp tác xã và phải gương mẫu sản xuất..." [19, 282].

Để vận động nông dân vào tổ đổi công và hợp tác xã, Người nói "cán bộ phải biết chính trị và phải biết kỹ thuật. Nếu biết kỹ thuật mà không biết chính trị thì công tác cũng không tốt... Muốn đưa nông dân vào tổ đổi công, hợp tác xã phải tuyên truyền giải thích... Phải lấy kết quả thực tế để nông dân thấy tận mắt, nghe tận tay..." [19, 284-285].

Khi đưa nông dân vào kinh tế hợp tác, Người căn dặn "Phải làm thế nào cho xã viên hợp tác xã có thu nhập nhiều hơn thu nhập của nông dân ở tổ đổi công và tổ viên tổ đổi công, thu nhập cao hơn thu nhập của nông dân làm ăn riêng lẻ" [19, 290] và Người cũng chỉ ra: "Nông thôn ta đất hẹp người đông, kỹ thuật nông nghiệp lạc hậu, năng suất lao động thấp kém. Chỉ riêng việc tổ chức nhau lại, cải tiến kỹ thuật, quản lý cho khéo thì cũng đã nâng cao năng suất lao động hơn làm ăn riêng lẻ"... Người còn chỉ ra hình thức và bước đi của kinh tế hợp tác "đưa nông dân làm ăn riêng lẻ đi dần từ tổ đổi công (có mầm móng xã hội chủ nghĩa) tiến lên hợp tác xã cấp thấp (nửa xã hội chủ nghĩa) rồi tiến lên hợp tác xã cấp cao..." [19, 298].

*Tóm lại*, tư tưởng của Hồ Chí Minh về phát triển hợp tác trong nông nghiệp được thể hiện trên nhiều lĩnh vực không chỉ mang tính chỉ đạo chung mà còn đi sâu vào những vấn đề cụ thể. Do đó trong tổ chức chỉ đạo xây dựng kinh tế hợp tác đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nghiên cứu để vận dụng tốt hơn.

Quan điểm của Đảng ta về phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp được thể hiện qua các văn kiện của Đảng. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức xây dựng kinh tế hợp tác có thể được chia thành hai thời kỳ:

- *Thời kỳ đầu phát triển kinh tế hợp tác theo mô hình tập thể hóa tư liệu sản xuất trong nông nghiệp*. Mô hình này ra đời trong lòng của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. ở miền Bắc được khởi xướng từ đại hội lần thứ III của Đảng. ở miền Nam bắt đầu từ cuối năm 1975, nguyên nhân thúc đẩy mô hình tập thể hóa ra đời xuất phát từ lý luận về sự lỗi thời của chủ nghĩa tư bản. Tính khả thi của con đường bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và tính quy luật quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa. Đồng thời trên thế giới, mô hình chủ nghĩa xã hội được thành lập ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, được coi là hình mẫu cho các nước giành độc lập đi lên xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng cơ bản của đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội IV có

nhấn mạnh đến việc công hữu hóa tư liệu sản xuất và xây dựng nền kinh tế quốc doanh, tiến hành cải tạo các quan hệ sản xuất theo chủ nghĩa xã hội, trong đó nhấn mạnh: "Mấu chốt là cải biến chế độ sở hữu cá thể và chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất thành các hình thức khác nhau của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, để giải phóng sức sản xuất mở đường cho sản xuất phát triển".

Do tình hình phát triển kinh tế hợp tác giữa hai miền Bắc-Nam có khoảng cách thời gian khác nhau. ở đây chủ yếu lấy sự chỉ đạo của Đảng về phát triển kinh tế hợp tác ở miền Nam làm điển hình.

Trên cơ sở đề ra đường lối công hữu hóa tư liệu sản xuất Đảng ta chủ trương đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh và tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, mục tiêu "tất cả vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân" cho nên trong lĩnh vực nông nghiệp, nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV có ghi "tiến hành hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa và cơ giới hóa, coi trọng xây dựng hợp tác xã và xây dựng nông trường quốc doanh, gắn liền xây dựng hợp tác xã với xây dựng huyện... Nghị quyết nêu: "Phấn đấu đến năm 1980 hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam".

Cụ thể hóa Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nghị quyết hội nghị Trung ương 2 khóa IV chỉ ra: "Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp các tỉnh phía Nam, mục đích cải tạo là đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ bóc lột và nguồn gốc sinh ra bóc lột, tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống ở nông thôn" tiếp theo Nghị quyết hội nghị TW lần thứ 3 khóa IV chủ trương: "ở miền Nam xúc tiến mạnh mẽ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong tất cả các ngành kinh tế... tích cực chuẩn bị cho việc mở rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam: làm thật tốt thí điểm các hợp tác xã nông nghiệp đồng thời nhanh chóng đưa đại bộ phận nông dân đi vào các hình thức hiệp tác quá độ tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất".

Đến năm 1980, toàn miền Nam đã xây dựng được 1.518 hợp tác xã, trong đó có 1.005 hợp tác xã bậc cao và 9.350 tổ đội sản xuất.



Việc tập thể hóa nông nghiệp ở miền Nam diễn ra nhanh chóng đã gây ra hậu quả là: cuối năm 1979 nhiều hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và tổ đội sản xuất bị tan rã, hoặc chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Nền kinh tế hàng hóa ở miền Nam bị triệt tiêu, tình hình kinh tế - xã hội rơi vào tình trạng khủng hoảng, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Đảng ta xác định: nền kinh tế nước ta hiện nay phổ biến vẫn là sản xuất nông nghiệp, cho nên Đảng ta coi: "Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa", đối với vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp ở Nam bộ, Nghị quyết nhấn mạnh: "Tiếp tục đẩy mạnh công tác hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam... đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới. Khắc phục xu hướng chần chừ do dự, thiếu tích cực... đồng thời tránh nóng vội... cùng với việc phát triển tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp, phát triển các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng...".

*- Thời kỳ sau, là thời kỳ phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp theo tinh thần đổi mới:* sau 5 năm thực hiện Nghị quyết đại hội toàn quốc lần thứ V, đến đại hội toàn quốc lần thứ VI, Đại hội đã đánh giá: "Mười năm qua, hai kỳ đại hội Đảng đều ghi vào Nghị quyết nhiệm vụ căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ đó, song đều chưa thực hiện được. Cuộc sống cho ta bài học thấm thía là, không thể nóng vội làm trái quy luật. Nay phải sửa lại cho đúng như sau: đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, là nhiệm vụ thường xuyên liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những hình thức bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất".

Nghị quyết đại hội VI đã thừa nhận nền kinh tế nước ta còn tồn tại kết cấu kinh tế nhiều thành phần, các thành phần kinh tế tham gia sản xuất hàng hóa, tự hạch toán kinh doanh và có sự quản lý của nhà nước.

Riêng trong lĩnh vực nông nghiệp Nghị quyết đề cập: "giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhà nước, kinh tế quốc doanh, hợp tác xã, đồng thời cải tiến quản lý nội bộ hợp tác xã, hoàn thiện phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động, gắn liền xây dựng quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật với xây dựng nông thôn mới. Các tập đoàn sản xuất Nam bộ phải được củng cố theo

đúng tính chất kinh tế tập thể. Việc đưa tập đoàn sản xuất lên bậc cao, quy mô lớn phải căn cứ vào các điều kiện cụ thể đã chín muồi không làm vội vã".

Tình hình nông nghiệp, từ khi có chi thị 100, đã phát huy tác dụng một thời gian, nhưng sau đó lại bộc lộ một số hạn chế do cơ chế khoán tuy có tạo ra được động lực kích thích sản xuất, nhưng nó vẫn nằm trong tổng thể của cơ chế "tập trung quan liêu", thu nhập của kinh tế hộ nông dân vẫn thấp... Do đó ngày 5/4/1988 Bộ Chính trị ra Nghị quyết "Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp" gọi tắt Nghị quyết 10, quan điểm Nghị quyết 10 thể hiện: hộ gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ. Hợp tác xã giao khoán ruộng đất cho hộ gia đình xã viên ổn định 15 năm.

Nghị quyết 10 ra đời, thật sự giải phóng sức sản xuất ở nông nghiệp và nông thôn. Đồng thời từ đó kinh tế nông nghiệp, xã hội nông thôn và đời sống nông dân có sự chuyển biến rõ nét.

Sau đó, đại hội toàn quốc lần thứ VII và thứ VIII có nhấn mạnh thêm về hình thức nội dung và bước đi của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp "Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã là hình thức liên kết tự nguyện của người lao động, nhằm kết hợp sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh của tập thể để giải quyết những vấn đề của sản xuất kinh doanh và đời sống. Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng từ thấp đến cao, theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Hợp tác xã xây dựng trên cơ sở đóng góp vốn cổ phần và lao động trực tiếp của xã viên. Phân phối theo lao động và vốn cổ phần..." [28, 95].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội nước ta đã xây dựng Luật Hợp tác xã. Luật Hợp tác xã được Quốc hội thông qua ngày 20/3/1996 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/1997, tại điều 1 của Luật ghi rõ định nghĩa về hợp tác xã: "Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước". Chính phủ đã ban hành một số Nghị định quy định thi hành Luật Hợp tác xã, trong đó có Nghị định số 43/CP ngày 29/4/1997 ban hành "Điều lệ mẫu hợp tác xã nông nghiệp" đã định

nghĩa hợp tác xã nông nghiệp cụ thể: "Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế tự chủ, do nông dân và những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế hộ gia đình của các xã viên và kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông - lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các ngành nghề khác ở nông thôn, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp".

Như vậy, từ khi có đường lối đổi mới đến nay với quan điểm đúng đắn của Đảng, nhận thức về và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp đang có bước phát triển đi lên.

## **1.2. Một số mô hình kinh tế hợp tác ở thế giới và kinh nghiệm rút ra**

Xuất hiện những hợp tác xã không chính thức dưới hình thức khác nhau, nhằm giúp nhau trong công việc cày bừa, gặt hái và các việc nhà nông khác. Đến cuối thế kỷ XIX mới xuất hiện các hợp tác xã nông nghiệp hiện đại tham gia vào dịch vụ, buôn bán.

Về lịch sử, những quan niệm về hợp tác xã hình thành theo hai khuynh hướng: một khuynh hướng cho rằng hợp tác xã là nhằm vào cải cách và xã hội hóa; khuynh hướng khác cho rằng hợp tác xã chỉ nhằm vào lợi ích và thực dụng, song cả hai khuynh hướng đều thừa nhận rằng không nên phủ nhận những tác dụng tốt của sở hữu cá thể mà phải duy trì nó để bảo vệ những quyền tự do, chủ yếu nhất là quyền tham gia hay không tham gia cùng với người khác.

Yếu tố tác động để phát triển hợp tác xã nông nghiệp được chia thành 2 nhóm: nhóm các yếu tố trực tiếp và nhóm các yếu tố gián tiếp. Nhóm đầu là do tình hình kinh tế phát triển hoặc suy sụp đều thúc đẩy phát triển hợp tác xã nông nghiệp; nhóm sau là do sự lũng đoạn của các đồng tiền tư nhân, các nhà tư bản đã thúc đẩy sự ra đời của các hợp tác xã nông nghiệp để chống lại sự lũng đoạn đó. Ngoài ra, sự giúp đỡ của Nhà nước về mặt luật pháp và tài chính cũng là nguyên nhân quan trọng làm cho hợp tác xã phát triển.

Những nguyên tắc về hợp tác xã được nêu ra đầu tiên năm 1844 ở nước Đức:

- Tự do gia nhập.

- Kiểm soát dân chủ việc quản lý được thể hiện theo nguyên tắc "một người một phiếu" dù cổ phần đóng góp là bao nhiêu.

- Góp cổ phần.

- Chia lợi tức tỷ lệ với sự hoạt động của doanh số.

- Trả tiền mặt cho các sản phẩm mua.

- Đào tạo và giáo dục cho xã viên.

- Không tham gia chính trị và tôn giáo.

Những nguyên tắc này là nền móng cơ bản cho những nguyên tắc hoạt động mà các tổ chức hợp tác xã quốc tế đã phê chuẩn sau này.

Năm 1847 ở Cộng hòa liên bang Đức, F.W.Raiffeson đã sáng lập ra tổ chức phúc lợi nông thôn đầu tiên, từ sau đó hợp tác xã nông nghiệp phát triển và trở thành một lực lượng kinh tế - xã hội quan trọng.

Ngày nay nhiều nước đã ban hành rất sớm các thông tư, pháp lệnh, luật về hợp tác xã; có nước còn quy định tính hợp hiến của hợp tác xã trong Hiến pháp với mục đích hướng dẫn giúp đỡ nông dân khi có nhu cầu tự nguyện liên kết với nhau thành hợp tác xã để vượt qua khó khăn, phát triển sản xuất. Nhìn chung, đến nay nhiều nước trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển có hiệu quả các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

Thực tiễn hợp tác xã nông nghiệp một số nước:

**- Hà Lan:**

Hợp tác xã nông nghiệp ở đây đã có từ hơn 100 năm và nay đã trở thành một hệ thống rộng rãi trong cả nước. Trên cơ sở các nông trại, ở nước này hình thành phổ biến là các hợp tác xã chuyên ngành theo từng sản phẩm nông nghiệp với mục đích hoàn toàn vì kinh tế. Phần đông các hộ nông dân tham gia vào 2, 3 hoặc 4 hợp tác xã khác nhau. Các hợp tác xã đã bảo đảm phần lớn hàng hóa nông sản cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Hệ thống hợp tác xã ở đây có mục đích đảm bảo các dịch vụ cho các nông trại, do đó bao gồm các loại như sau: hợp tác xã tín dụng đã bảo đảm 90% hoạt động tài chính của các nông trại; hợp tác xã cung ứng, cung cấp 50% phân hóa học và 50% thức ăn gia súc; hợp tác xã chế biến nông sản, như 22 hợp tác xã chế biến sữa cung cấp 62% lượng sữa cho thị trường; hợp tác xã tiêu thụ (rau quả, hoa...).

Ngày nay hệ thống hợp tác xã ở Hà Lan vẫn phát triển có hiệu quả vì lợi ích của các thành viên. Các nước Châu Âu cũng hình thành hệ thống hợp tác xã theo các nhu cầu tương tự.

#### **- Mỹ:**

Là một trong những nước tư bản phát triển giàu kinh nghiệm về hợp tác xã, ngay từ những năm hai mươi, theo quy định của các Bang thì hợp tác xã có thể do các chủ nông trại thành lập để cùng hoạt động buôn bán hoặc tiêu thụ sản phẩm của họ. Các hợp tác xã tồn tại trong sự cạnh tranh gay gắt, họ liên kết để chống lại các nhà độc quyền ruộng đất và tư bản công thương trên các lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, buôn bán tư liệu sản xuất.

Hệ thống hợp tác xã ở Mỹ được hình thành trên cơ sở tự nguyện của những chủ nông trại góp cổ phần và được chia làm 3 loại: hợp tác xã chuyên đảm bảo các dịch vụ cho sản xuất, hợp tác xã cung ứng, hợp tác xã tiêu thụ. Nhiều hợp tác xã được chuyên môn hóa cao theo ngành như: ngũ cốc, sữa, rau quả, bông.

Mặc dù có sự phân công chuyên môn hóa cao giữa các hợp tác xã, nhưng phần lớn các hợp tác xã đều kết hợp các loại hoạt động khác nhau để nâng cao hiệu quả và đã hình thành bốn cấp: hợp tác xã cấp cơ sở của các chủ trại, hợp tác xã cấp khu vực, hợp tác xã cấp liên khu vực, hợp tác xã cấp toàn quốc.

Vai trò của Nhà nước to lớn trong việc phát triển hợp tác xã. Năm 1914 chính phủ Mỹ thành lập Cục hợp tác xã. Cục này hoạt động bằng tài trợ của Chính phủ liên bang và chính quyền các bang. Cục có đại diện ở tất cả các địa phương để nắm chắc các nhu cầu của nông dân. Phương thức hoạt động của Cục hợp tác xã là liên kết chặt chẽ với

các nông trại, các hợp tác xã và các hiệp hội hợp tác xã toàn quốc. Cục này còn soạn thảo ra các chương trình giảng dạy và đào tạo các nhân viên quản lý hợp tác xã.

Hợp tác xã đã có vai trò to lớn trong nền nông nghiệp hiện đại ở Mỹ.

**- Nhật Bản:**

Phổ biến là các hợp tác xã tổng hợp, thu hút gần 100% số nông trại tham gia.

Năm 1947 Chính phủ Nhật đã ban hành Luật hợp tác xã nông nghiệp. Theo Luật này, các tổ chức hợp tác xã trong ngành nông nghiệp phải hoạt động trên cơ sở tự nguyện và dân chủ.

Năm 1967 Nhật Bản thông qua chính sách cơ bản về hợp tác hóa để phát triển nông nghiệp, phong trào hợp tác hóa toàn quốc liên kết thành một mạng lưới thống nhất trong các "tổ hợp nông nghiệp hợp tác". Các xã viên của hợp tác xã chuyên ngành cũng đồng thời tham gia các hợp tác xã đa ngành. Mạng lưới hợp tác xã toàn quốc được hình thành ba cấp: các hợp tác xã cấp cơ sở ở xã, các hợp tác xã cấp huyện, thành phố, các hợp tác xã ở cấp nghiệp đoàn quốc gia.

Điểm nổi bật của hợp tác xã ở Nhật Bản là các hợp tác xã cấp cơ sở địa phương cũng là hợp tác xã bậc thấp, thực hiện các chức năng đa dạng để phục vụ cho nhu cầu toàn diện của xã viên; bên cạnh loại hình hợp tác xã bậc thấp có loại hình hợp tác xã chuyên ngành và hợp tác xã đa ngành, trong đó loại hình hợp tác xã đa ngành chiếm ưu thế. Tổ chức hợp tác xã ở cấp quốc gia dù chuyên ngành hay đa ngành đều có tên gọi là liên đoàn quốc gia các hợp tác xã, trong mạng lưới này có các liên đoàn quốc gia các hợp tác xã nông nghiệp, thị trường nông sản, mua bán vật tư nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, phúc lợi nông nghiệp, chăn nuôi, sản xuất sữa, nghề làm vườn.

Hợp tác xã nông nghiệp ở Nhật Bản không làm nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý trực tiếp đất đai lao động và sản xuất của các hộ xã viên mà chỉ làm dịch vụ cho sản xuất và sinh hoạt cho các hộ xã viên. Ngoài ra hợp tác xã còn tham gia các hoạt động lập pháp như kiến nghị với Chính phủ có chính sách thích hợp để phát triển kinh tế hợp tác xã của nông dân, chính sách trợ giá nông sản, giảm thuế đối với nông dân và hợp tác xã, các chính sách để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp cả nước.

### **- Indonesia:**

Hiến pháp nước Cộng hòa Indonesia khẳng định rằng: "Nền kinh tế quốc dân phải được tổ chức trên nguyên tắc tương trợ hợp tác". Đây là nền tảng pháp lý cao nhất của tổ chức hợp tác xã nói chung và hợp tác xã nông nghiệp nói riêng. Chính phủ Indonesia rất chú trọng giúp đỡ phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, thể hiện qua các thông tư của Phủ Tổng thống về những chính sách ưu đãi đối với hợp tác xã nông nghiệp, coi hợp tác xã nông nghiệp là một thành phần kinh tế không thể tách rời của chương trình phát triển kinh tế toàn quốc.

Tuy nhiên cũng cần thấy rằng thời gian hợp tác xã ở Indonesia do chính quyền chỉ đạo quá cứng nhắc làm cho hợp tác xã sinh tiêu cực và hoạt động kém hiệu quả. (Ví dụ: tập trung sản xuất lúa gạo bán cho Nhà nước theo giá quy định). Sau khi được đổi mới (từ những năm 80), hợp tác xã nông nghiệp thực hiện các chức năng: cung ứng vật tư kỹ thuật, bảo hiểm cây trồng chế biến và buôn bán nông sản, hoạt động tín dụng. Từ đó kết hợp với ưu đãi về chính sách, hợp tác xã nông nghiệp ở Indonesia đã có bước phát triển nhanh và phát huy hiệu quả.

### **- Liên Xô cũ:**

ở nước Nga trước kia, các hình thức hợp tác xã trong nông nghiệp phát triển chủ yếu vào những năm cuối thế kỷ XIX, các hợp tác xã đều do nông dân tự nguyện lập nên và được hình thành chủ yếu trong các lĩnh vực dịch vụ cho sản xuất, tín dụng và tiêu thụ sản phẩm.

Sau Cách mạng Tháng Mười, Nhà nước thực hiện chính sách người cày có ruộng, nền nông nghiệp nước Nga vào thời điểm đó cơ bản là sản xuất cá thể. Chỉ ít năm sau dưới sự chỉ đạo của chính quyền Xô viết, mạng lưới hợp tác xã được tổ chức rộng rãi với nhận thức rằng: hợp tác hóa - tập thể hóa càng nhanh thì càng sớm có chủ nghĩa xã hội, hơn thế nữa còn muốn dẹp bỏ nhanh sản xuất tiểu nông thành lập các doanh nghiệp nông nghiệp Nhà nước. Từ tư tưởng tả khuynh dẫn đến áp dụng phương pháp cưỡng chế để tổ chức hợp tác xã, sản xuất nông nghiệp giảm sút. Khi có chính sách kinh tế mới (NEP) và những tư tưởng về hợp tác hóa của Lênin, nước Nga đã nhanh chóng thoát ra khỏi khủng

hoảng trong thời kỳ 1921 - 1928 và hợp tác hóa phát triển mạnh với nhiều hình thức và nội dung phong phú.

Sau khi Lenin mất, dần dần tư tưởng hợp tác hóa của Lenin bị lãng quên, đến năm 1929 lại có chủ trương phát triển hợp tác xã với khẩu hiệu "xem ai nhanh hơn" "ai không vào nông trang tập thể là kẻ thù của chính quyền Xô viết". Hàng triệu nông dân đã bị cưỡng bức vào nông trang tập thể và mô hình này đã tồn tại trên nửa thế kỷ.

Từ những năm 80 của thế kỷ này Liên Xô đã tiến hành cải tổ, trong nông nghiệp đã được áp dụng các hình thức khoán và cho thuê lâu dài đến người lao động có quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh; nhiều nông trang lớn nhưng làm ăn thua lỗ được tổ chức lại thành hợp tác xã sản xuất và dịch vụ quy mô nhỏ, hình thành các nông trại gia đình với các quy mô và lĩnh vực hoạt động khác nhau.

### **- Trung Quốc:**

Cách mạng Trung Quốc thành công năm 1949, liền sau đó thực hiện cải cách ruộng đất, trong nông thôn phát triển các hình thức hợp tác giản đơn: đổi công tương trợ, hợp tác xã bậc thấp về sản xuất, tiêu thụ và tín dụng. Sau đó do tư tưởng tả khuynh, phong trào hợp tác hóa chuyển ra rất nhanh; từ năm 1955 - 1959 đã có 87% hộ nông dân vào hợp tác xã. Khi đã thành cao trào phổ biến là hợp tác xã bậc cao (công xã nhân dân) thì lúc đó kinh tế tập thể là bao trùm về mặt sản xuất, công xã tổ chức như hệ thống quân sự: đội, đại đội, trung đoàn, công xã. Mô hình này thực hiện tập thể hóa cao độ, xóa bỏ quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Hậu quả là khủng hoảng trầm trọng, nông nghiệp lâm vào tình trạng nguy khốn.

Đến năm 1978 Trung Quốc thực hiện cải cách nông nghiệp, nông thôn mà trọng tâm là đổi mới các hình thức tổ chức kinh tế, bắt đầu từ hình thức: "Hợp đồng trách nhiệm" có thưởng phạt, tiếp theo nảy sinh các hình thức khoán khác nhau trong đó có khoán hộ và đến năm 1981 hình thức khoán được áp dụng rộng rãi. Cũng từ năm 1978 Trung Quốc giải thể các công xã, giao khoán dài hạn cho 150 triệu hộ nông dân, tổ chức sản xuất theo hộ gia đình và hình thành các hình thức liên kết kinh tế tự nguyện mới, các hình thức hợp tác xã phục vụ hộ nông dân.



Hiện nay trong nông thôn Trung Quốc đã phát triển các hình thức hộ chuyên thuộc các lĩnh vực khác nhau, ra đời các trang trại và đang hình thành các hợp tác xã tự nguyện đúng với bản chất và nội dung kinh tế của nó.

*Từ kinh nghiệm một số nước trên giới có thể rút ra một số nhận xét về kinh tế hợp tác và các hình thức hợp tác xã trong nông nghiệp như sau:*

- Cơ sở hình thành và phát triển kinh tế hợp tác xã nông nghiệp là kinh tế hộ nông dân.

- Hợp tác xã trong nông nghiệp đã ra đời, tồn tại, phát triển và ngày càng hoàn thiện trong hàng trăm năm qua ở nhiều nước trên thế giới đã xuất phát từ yêu cầu sản xuất hàng hóa, từ nhu cầu sản xuất kinh doanh và đời sống quần chúng nhân dân. Hợp tác xã là hình thức tổ chức và biện pháp nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, hợp tác xã cũng là con đường để xã hội hóa sản xuất nông nghiệp.

- Hợp tác xã không thể là một sự áp đặt duy ý chí từ trên xuống mà là sự tự nguyện của nông dân khi nảy sinh nhu cầu kinh tế khách quan trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh.

- Do những đặc thù của sản xuất nông nghiệp mà hợp tác xã trong nông nghiệp, về cơ bản không phải là các hợp tác xã sản xuất (làm ăn tập thể) mà là các hợp tác xã làm chức năng dịch vụ phục vụ cho sản xuất còn việc trực tiếp sản xuất là các hộ tự chủ.

- Trên thực tế đã tồn tại rất đa dạng các loại hình hợp tác xã với những quy mô rất khác nhau, tất cả đều tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất vào điều kiện cụ thể của từng nơi. Mỗi nông hộ có thể tham gia nhiều hợp tác xã.

- Về cơ bản, các hợp tác xã được hình thành không phải trên cơ sở tập thể hóa mà theo con đường góp vốn và phân chia lợi ích. Nó không đụng chạm đến quyền sở hữu của từng hộ gia đình (nông trại) nhưng lại tạo điều kiện tăng thêm năng lực sản xuất, lợi ích của từng hộ. Chính điều này làm cho người nông dân dễ dàng chấp nhận tự nguyện tham gia.

- Các hợp tác xã thường liên kết với nhau thành lập các Hiệp hội ở từng địa phương và ở trong cả nước. Nhà nước tác động, kiểm tra, kiểm soát các hợp tác xã theo

quy định chung của pháp luật. Nhà nước không can thiệp vào các hoạt động kinh doanh của các hợp tác xã. Các Liên hiệp hợp tác xã ở cấp toàn quốc có quyền thay mặt xã viên hợp tác xã ngành mình để tham gia với Nhà nước trong việc nghiên cứu và ban hành các chính sách bảo vệ quyền lợi của các nông trại và các hợp tác xã.

### **1.3. Khái quát về kinh tế hợp tác nông nghiệp theo nhận thức mới**

Từ những tư tưởng, những luận điểm, những nguyên lý của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học về chế độ kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, từ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng, Nhà nước ta, có thể khái quát về kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã theo nhận thức mới như sau:

- Hợp tác xã là con đường giản đơn nhất, là phù hợp với nguyện vọng của nông dân trong quá trình xây dựng chế độ kinh tế mới.

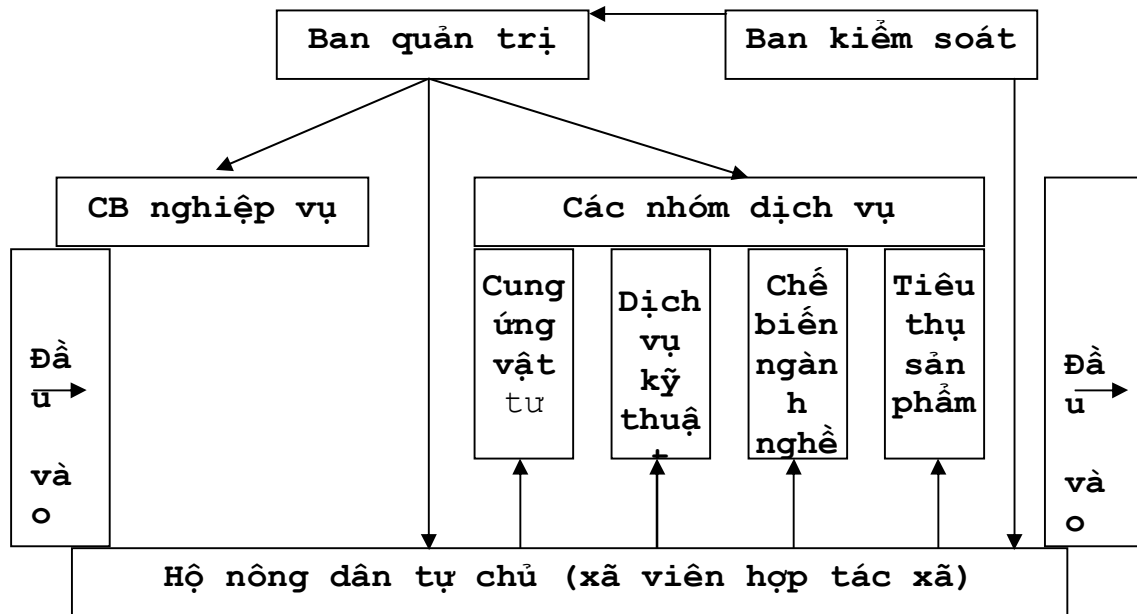
- Hợp tác xã là do nông dân tự nguyện, các quan hệ hợp tác nảy sinh trên *cơ sở nhu cầu của kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại*. Dù trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được dùng mệnh lệnh để cưỡng bức nông dân vào hợp tác xã.

- Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động nhằm kết hợp sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất, kinh doanh và đời sống.

- Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ. Tổ chức cao nhất của kinh tế hợp tác là hợp tác xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung. Nhiệm vụ chủ yếu của hợp tác xã nông nghiệp là giải quyết các dịch vụ: dịch vụ đầu vào, dịch vụ đầu ra và các dịch vụ trong quá trình sản xuất. Các tổ chức kinh tế hợp tác và hợp tác xã không lệ thuộc vào địa giới hành chính, không có cấp trên trực tiếp. Một hộ nông dân có thể tham gia nhiều tổ chức hợp tác và hợp tác xã.

- Nhà nước tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách khuyến khích, ưu đãi, giúp đỡ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả.

### Mô hình tổ chức hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới



#### 1.4. Phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp - một đòi hỏi bức xúc để đưa nông nghiệp Kiên Giang thành nền nông nghiệp hàng hóa nhằm thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tỉnh Kiên Giang

Từ những chỉ dẫn của các nhà kinh điển, từ thực tiễn của kinh tế hợp tác của các nước cũng như kinh nghiệm phát triển kinh tế hợp tác ở Việt Nam trong những năm qua, việc phát triển kinh tế hợp tác theo quan điểm mới ở nước ta là nhu cầu bức xúc vì các lý do sau đây:

##### 1.4.1. Sự phát triển của kinh tế hộ đòi hỏi phải đẩy mạnh kinh tế hợp tác

Do đòi hỏi của cuộc sống, nước ta phát triển về nông nghiệp hàng hóa dựa trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh và áp dụng nhanh các thành tựu khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh, đáp ứng các nhu cầu đa dạng

trong nước và hướng mạnh ra xuất khẩu. Một nền nông nghiệp như vậy cần dựa trên cơ sở các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh hoạt động có hiệu quả cao.

Khi kinh tế hộ gia đình là đơn vị kinh tế cơ sở, các thành viên trong hộ gia đình là những người có mối quan hệ về hôn nhân và huyết thống với nhau. Hộ gia đình vừa làm kinh tế nông nghiệp, nhưng đồng thời họ có thể tham gia ở các ngành kinh tế và các dịch vụ khác nhau. Riêng trong nông nghiệp, kinh tế hộ có những ưu thế riêng đó là: do đối tượng của sản xuất nông nghiệp là những sinh vật (cây con) sinh trưởng theo qui luật tự nhiên và phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên... Vì vậy, nó đòi hỏi người lao động phải có ý thức đầy đủ trách nhiệm, phải luôn quan tâm theo dõi, chăm sóc từ giai đoạn bắt đầu khi sản xuất, cho đến khi thu hoạch. Kinh tế nông nghiệp gắn người nông dân với ruộng đất, cây trồng và vật nuôi, gắn mọi hoạt động của người nông dân đến kết quả cuối cùng của sản xuất nông nghiệp.

Hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, các thành viên trong gia đình đều có chung mục đích và lợi ích, cho nên có thể nói rằng kinh tế hộ gia đình, đáp ứng được yêu cầu của kinh tế nông nghiệp.

Kinh tế hộ tự chủ là loại hình tổ chức sản xuất chủ yếu và sẽ tồn tại lâu dài. Tuy vậy, trong điều kiện kinh tế thị trường, kinh tế hộ không thể thực hiện có hiệu quả mọi khâu công việc mà phải dựa vào các nguồn lực khác trước hết là các hợp tác xã nông nghiệp. Cùng với sự phát triển kinh tế hàng hóa, do tác động của quá trình xã hội hóa và phân công lao động, nhu cầu hợp tác của kinh tế hộ ngày càng tăng. Kinh tế hợp tác giúp kinh tế hộ nhân thêm sức mạnh để cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nông dân.

Từ sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, các hộ nông dân trở thành đơn vị tự chủ sản xuất, trong thời gian đầu đã tự huy động mọi tiềm lực của từng hộ tạo ra mức tăng trưởng khá cao trong nông nghiệp. Nhưng thực tế cho thấy để phát triển sản xuất với mức độ cao hơn, người nông dân nếu chỉ dựa vào tiềm lực riêng của bản thân thì chưa đủ, mà phải tìm nguồn tiếp sức từ bên ngoài. Tổ chức hợp tác xã nông nghiệp đích thực trở thành trợ thủ, bả đỡ đáng tin cậy của kinh tế hộ nông dân... ở nhiều vùng nông thôn sau

khi đã giải thể các hợp tác xã cũ không còn tác dụng, từng nhóm hộ nông dân đã tự tập hợp với nhau hình thành các hình thức tổ chức hợp tác giản đơn, đa dạng theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ cùng có lợi, linh hoạt, gọn nhẹ trong từng khóm ấp: tổ đội công, vản công, tổ liên kết sản xuất, tổ đường nước, tổ hùn vốn... quy mô nhỏ 5-10 hộ để hỗ trợ nhau về lao động sức kéo, kỹ thuật, kinh nghiệm.

Hợp tác xã còn là nhu cầu cấp thiết của các hộ nông dân trong việc đảm bảo thời vụ, phòng chống thiên tai... ở những vùng bắt đầu đi lên sản xuất hàng hóa các hộ nông dân có nhu cầu về vốn nhiều, vật tư sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhưng lực lượng dịch vụ quốc doanh chưa đủ sức vươn tới, do đó thị trường nông thôn hầu như do tư thương chi phối. Các mặt hàng vật tư nông nghiệp phần lớn thông qua thương lái mới đến tay hộ nông dân, các sản phẩm nông nghiệp của hộ nông dân bán ra phần lớn cũng phải qua thương lái mua gom rồi tư thương bán lại cho các công ty quốc doanh. Mua bán qua tư thương, người nông dân thấy rõ mình bị nhiều thiệt thòi: mua giá vật tư sản xuất cao, bán nông sản thì bị đim giá, ép giá...

Trong những năm qua, nông nghiệp nước ta đạt nhiều thành tựu to lớn, nhưng cũng đang đứng trước những thách thức mới. Đó là quá trình hội nhập thế giới trong điều kiện cạnh tranh gay gắt về chất lượng, số lượng sản phẩm, về giá thành. Nền nông nghiệp nước ta chỉ có thể tồn tại và phát triển mạnh mẽ nếu như trên cơ sở kinh tế hộ, phát huy sức mạnh của kinh tế hợp tác để có đủ nguồn vốn, đổi mới kỹ thuật, công nghệ, phát triển công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường nhằm hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Phát triển kinh tế hợp tác trong đó hợp tác xã nông nghiệp làm nòng cốt còn giúp được các hộ người nghèo, góp phần giải quyết việc làm, góp phần ngăn chặn nạn sang bán đất, hạn chế được nông dân bán cùng hóa, góp phần đẩy mạnh kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng cường đoàn kết cộng đồng tình làng nghĩa xóm, xây dựng nông thôn mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.

*Rõ ràng trong sản xuất nông nghiệp, sự phát triển kinh tế hộ đòi hỏi phải hình thành kinh tế hợp tác.*

#### **1.4.2. Sự phát triển mạnh mẽ sang nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa đòi hỏi bức xúc phải phát triển kinh tế hợp tác**

Nông nghiệp Việt Nam nói chung và nông nghiệp Kiên Giang nói riêng vẫn còn là nền nông nghiệp chưa phát triển. Theo số liệu của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Kiên Giang thì ở tỉnh Kiên Giang, sản xuất lúa chiếm tỷ trọng từ 80 - 87% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chăn nuôi và dịch vụ chiếm tỷ trọng 10,3%. Những số liệu trên cho thấy trong cơ cấu nông nghiệp, tình trạng độc canh lúa vẫn chưa được khắc phục, mặc dù tiềm năng đất đai, sinh thái rất phù hợp cho việc đa dạng hóa sản phẩm. Muốn phát triển nền kinh tế, nâng cao đời sống cho nhân dân không thể không phát triển kinh tế hàng hóa nhằm khai thác có hiệu quả nhất những tiềm năng đa dạng và những nguồn lực hiện có của địa phương.

Để phát triển kinh tế hàng hóa cần các biện pháp lớn:

- Tăng cường trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật và áp dụng những thành tựu mới của khoa học - kỹ thuật để có năng suất lao động cao, làm ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt.

- Đẩy mạnh quá trình phân công lao động, đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi để sản xuất ra những sản phẩm hàng hóa với số lượng lớn, chất lượng cao.

Thực hiện tốt các biện pháp trên, Kiên Giang có thể cung cấp một lượng hàng hóa lớn, chất lượng tốt như gạo phân cấp cao, thủy hải sản, thịt các loại, mía đường, hoa quả và sản phẩm cây công nghiệp chế biến khác... có giá thành hạ, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thị trường ngoài nước.

Để có điều kiện thực hiện biện pháp trên, Kiên Giang phải tiến hành đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đi đôi với chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp, trong nông nghiệp, tăng tỷ trọng chăn nuôi và cây ăn quả, cây công nghiệp (điều, hồ tiêu). Những việc làm trên chỉ có thể triển khai có hiệu quả khi đẩy mạnh kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã. Thông qua các hình thức tổ nhóm hợp tác và hợp tác xã có thể tập trung được vốn từ các hộ riêng lẻ để mua sắm thiết bị máy móc, xây dựng kết cấu hạ tầng (xây

dụng kênh mương, đường điện, đường giao thông nông thôn), đảm bảo cung cấp giống mới có năng suất cao, phòng trừ sâu bệnh trên diện rộng và nhất là giải quyết các dịch vụ đầu vào, đầu ra cũng như các dịch vụ trong quá trình sản xuất. Người nông dân có thể tìm được sự giúp đỡ từ nhà nước, nhưng muốn nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả thì không gì bằng sử dụng sức mạnh của tập thể thông qua các tổ nhóm hợp tác hoặc hợp tác xã. Bởi vậy, *kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã là phương thức hiệu quả nhất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp.*

#### **1.4.3. Quá trình thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn đòi hỏi phải đẩy mạnh kinh tế hợp tác**

Đất nước ta nói chung, tỉnh Kiên Giang nói riêng nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, chúng ta muốn đưa đất nước tiến lên giàu mạnh, sánh vai kịp với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, đòi hỏi chúng ta phải chọn cho mình một hướng đi đúng. Hướng đi đó, không thể không tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng điểm xuất phát phải bắt đầu từ nông nghiệp.

Chúng ta biết rằng, nước ta hiện là một nước nông nghiệp với 80% dân cư đang sinh sống ở nông thôn có nhiều tiềm năng, đây cũng là địa bàn tập trung đại bộ phận người nghèo trong xã hội. Vì vậy, phát triển nông nghiệp và kinh tế xã hội nông thôn đã, đang và sẽ còn là mối quan tâm hàng đầu của chúng ta. Song nông nghiệp không thể tự mình đổi mới cơ sở vật chất - kỹ thuật và công nghệ, không có khả năng tăng trưởng đủ nhanh để tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho nông dân. Phải có tác động mạnh của công nghiệp dịch vụ; phát huy vai trò hạt nhân của các đô thị trên từng vùng, từng địa bàn.

Nhưng muốn có tác động của công nghiệp, dịch vụ thì ngoài sự hỗ trợ của nhà nước, cần phát huy nội lực từ nông nghiệp. Để làm được điều đó, trong giai đoạn hiện nay nông thôn nói chung và tỉnh Kiên Giang nói riêng phải phát triển kinh tế hợp tác đặc biệt là hợp tác xã trong nông nghiệp. Bởi vì, nếu để người nông dân cá thể (nhất là tầng lớp tiểu nông) chuyển đổi hình thức lao động từ thủ công và lạc hậu về kỹ thuật sang một phương thức sản xuất tiên tiến hiện đại, thì đó là việc làm hết sức khó khăn và phải trải qua một thời gian rất lâu dài. Nếu ta tiến hành phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, nó sẽ cho phép người nông dân sử dụng sức mạnh của cá nhân và của tập thể trên

nhiều lĩnh vực (vốn, khoa học công nghệ, cơ giới hóa, thủy lợi hóa...) để thay đổi phương thức sản xuất của mình. Các tổ chức kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp sẽ tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong ngành nông nghiệp và nông thôn, trước hết là đa dạng hóa các loại cây trồng và vật nuôi, phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến các loại hàng nông sản thực phẩm, phát triển nhiều loại hình dịch vụ đa dạng để phục vụ cho sản xuất và đời sống. Kinh tế hợp tác cũng có vai trò quan trọng xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn như đường sá, điện, nước, thông tin liên lạc, các trạm trại, bệnh viện, trường học... theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Như vậy, *kinh tế hợp tác mà nông cốt là hợp tác xã có vai trò quan trọng cùng kinh tế nhà nước dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

#### **1.4.4. Phát triển kinh tế hợp tác là yêu cầu bức xúc nhằm khai thác có hiệu quả cao tiềm năng nông nghiệp ở Kiên Giang**

Tiềm năng nông nghiệp của tỉnh rất lớn và đa dạng với gần 400.000ha đất sản xuất nông nghiệp, 140.000 ha đất lâm nghiệp, 200 km bờ biển, thời tiết khí hậu thuận lợi có khả năng phát triển một nền nông nghiệp toàn diện phong phú với nhiều loại cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản; có ưu thế về nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và mở rộng ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống nông dân. Đặc biệt là tỉnh có nhiều vùng sinh thái đặc thù, đa dạng: đồng bằng, rừng núi, biển đảo, với nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử là điều kiện thuận lợi mở ra nhiều loại hình du lịch phong phú.

Với hơn 80% dân số sống bằng nghề nông, nông nghiệp tỉnh Kiên Giang có lực lượng lao động dồi dào (trên 600.000 người), đa số có truyền thống lao động cần cù sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, nắm bắt khoa học kỹ thuật, một bộ phận nhanh nhạy chuyển đổi cơ cấu sản xuất thích ứng với nền kinh tế thị trường.

Với tiềm năng nông nghiệp to lớn, nếu được tập trung đầu tư khai thác, phát huy đúng mức sẽ tạo ra bước phát triển mới trong kinh tế nông nghiệp, thay đổi nhanh bộ mặt nông thôn, nâng cao mức sống của nông dân.



Sau ngày miền Nam giải phóng đến nay, nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, ở mỗi giai đoạn đều đạt được những kết quả nhất định.

- Từ năm 1975 đến năm 1978, nhân dân về lại ruộng vườn cũ, ổn định cuộc sống. Với thành quả cách mạng đem lại, một bộ phận nông dân được Đảng, Nhà nước chia cấp trang trải ruộng đất. Sản xuất nông nghiệp trong thời kỳ này còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, chủ yếu độc canh một vụ lúa mùa, năng suất thấp. Cơ sở vật chất kỹ thuật ở nông thôn hầu như chưa có gì do hậu quả của chiến tranh tàn phá nặng nề.

- Từ năm 1978 đến năm 1988, toàn tỉnh tập trung xây dựng quan hệ sản xuất mới đối với nông nghiệp. Nông nghiệp ở giai đoạn này phát triển chậm, đất đai bị xáo trộn, sản xuất lương thực có lúc bị sụt giảm nghiêm trọng, nhưng nhờ có Chỉ thị 100 khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, nông nghiệp bắt đầu khôi phục và phát triển. Tuy cải tạo quan hệ sản xuất cũ xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp có nhiều sai lầm khuyết điểm, nhưng đã đem lại một số thành tựu quan trọng; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu phục vụ sản xuất như hệ thống thủy lợi, cải tạo mặt bằng đồng ruộng, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, từng bước xóa bỏ tập quán sản xuất quảng canh một vụ lúa mùa năng suất thấp, thúc đẩy phong trào thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích sản xuất rộng khắp trong tỉnh.

- Từ năm 1988 đến nay, là giai đoạn thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng. Trong nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị lấy hộ là đơn vị kinh tế tự chủ, giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, đã tạo động lực to lớn thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển với tốc độ bình quân 7%/năm. Nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích cây công nghiệp, cây ăn trái, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; đồng thời đã hình thành một số vùng sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến như mía, khóm và lúa xuất khẩu.

Tuy nhiên, với một tỉnh có tiềm năng nông nghiệp lớn, những thành tựu đạt được thời gian qua còn rất khiêm tốn. Nên nông nghiệp Kiên Giang chủ yếu mới là thâm canh lúa (sản xuất lúa chiếm tỷ trọng 80-87% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp). Nhiều tiềm năng nông nghiệp lớn chưa được khai thác: cả tỉnh hiện còn 7.700 ha đất hoang hóa và sản xuất chưa ổn định, gần 25.300 ha đất vườn tạp chưa được cải tạo, lao động chưa có

hoặc thiếu việc làm nhiều. Ngay sản lượng lúa tuy rất cao (trên 2 triệu tấn, bình quân lương thực đầu người 1369 kg) nhưng chưa hình thành được vùng lúa chất lượng cao cho xuất khẩu... Một trong những nguyên nhân của tình hình trên là phong trào hợp tác ở Kiên Giang còn chưa thật sự phát triển.

Để khai thác với hiệu quả cao nhất tiềm năng của tỉnh, phát huy những thành tựu đạt được, phải tiếp tục đẩy nhanh nông nghiệp Kiên Giang theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền nông nghiệp hàng hóa nhiều thành phần. Do vậy, phát triển kinh tế hợp tác nông cốt là hợp tác xã vẫn là nhu cầu bức xúc ở Kiên Giang.

**Tóm lại:** với sự chỉ dẫn của các nhà kinh điển, các nhà kinh tế học về kinh tế hợp tác, với những kinh nghiệm thực tiễn thành công và không thành công về xây dựng, phát triển kinh tế hợp tác ở một số nước trên thế giới, những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và Nhà nước trong chỉ đạo thực tiễn ở Việt Nam, chúng ta đã xác định được những nội dung chủ yếu của kinh tế hợp tác mà nông cốt là hợp tác xã ở Việt Nam theo nhận thức mới, đồng thời qua đó cũng thấy rõ việc đẩy mạnh kinh tế hợp tác mà nông cốt là hợp tác xã trong nông nghiệp là cực kỳ bức xúc để đưa nông nghiệp trở thành nền nông nghiệp hàng hóa, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

## ***Chương 2***

### **Thực trạng kinh tế hợp tác trong nông nghiệp Tỉnh kiên giang từ đổi mới cho đến nay**

#### **2.1. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang**

Kiên Giang là tỉnh nằm ở phía Tây Nam của Tổ quốc, thuộc đồng bằng sông Cửu Long, có đường biên giới đất liền chung với Vương quốc Campuchia dài 56 km. Diện tích tự nhiên của tỉnh 6.245 km (đất liền 5.614km<sup>2</sup>, hải đảo 631 km<sup>2</sup>, riêng đảo Phú Quốc 573 km<sup>2</sup>). Dân số 1.517 triệu người, mật độ dân số 243/km<sup>2</sup>. Về tự nhiên, Kiên Giang là tỉnh có tài nguyên phong phú đa dạng về nông sản, hải sản, khoáng sản và du lịch. Nguồn lao động tại chỗ dồi dào, nằm ven Vịnh Thái Lan, lưu thông quốc tế đường biển rất thuận

tiện. Có sân bay Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên. Khí hậu Kiên Giang ẩm áp quanh năm rất thuận lợi cho phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, khai thác và nuôi trồng thủy sản. Người dân Kiên Giang vốn có truyền thống cần cù, sáng tạo, không ngại gian khổ trong sản xuất và xây dựng, từng thời kỳ đã đầu tư khai thác những tiềm năng sẵn có, không ngừng đưa nền kinh tế - xã hội của tỉnh ngày một phát triển đi lên.

Nông nghiệp là ngành sản xuất trọng tâm và là thế mạnh số một của tỉnh, có nhiều điều kiện để phát triển tương đối toàn diện.

Với diện tích đất được quy hoạch gần 534.000 ha, chiếm 85,6% diện tích tự nhiên, trong đó đất nông nghiệp 400.000 ha, đất lâm nghiệp 134.000 ha. Do đặc điểm, điều kiện tự nhiên chi phối, sản xuất nông nghiệp ở tỉnh hình thành 4 vùng sinh thái lớn, đặc trưng cho các kiểu vùng sinh thái của đồng bằng sông Cửu Long gồm: vùng phù sa ngọt thuộc Tây Sông Hậu, vùng phèn ngập lũ thuộc Tứ giác Long Xuyên, vùng nhiễm mặn thuộc bán đảo Cà Mau và vùng đồi núi, hải đảo, gồm hai huyện Phú Quốc, Kiên Hải. Do đó, tiềm năng nông nghiệp ở tỉnh phong phú, đa dạng, bao gồm: lúa; các cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày (mía, khóm, dứa, điều...); cây đặc sản: hồ tiêu; các loại gia súc, gia cầm (heo, trâu, bò, vịt); thủy sản (tôm cá nước ngọt, nước lợ); rừng và các đặc sản vườn rừng... Diện tích gieo trồng lúa năm 1999 là 521.276 ha, sản lượng lúa là 2,1 triệu tấn, cây công nghiệp, cây ăn trái các loại hiện có trên 38.000 ha với những cây đặc thù và là thế mạnh của tỉnh, gồm: mía 9.829 ha, sản lượng 396.100 tấn; khóm 9.200 ha, sản lượng 92.500 tấn; dứa 8.520 ha, sản lượng 48.700 tấn; hồ tiêu 530 ha, sản lượng 900 tấn. Các loại gia súc, gia cầm cho sản lượng thịt 22.000 tấn. Ngoài ra, còn có 27.700 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản, cá đồng nuôi xen trong ruộng lúa, rừng tràm, mương liếp 16.300 ha, sản lượng 2.800 tấn. Diện tích rừng hiện có 113.600 ha, chiếm 84,7% diện tích lâm phần với độ che phủ rừng toàn tỉnh đạt tỷ lệ 16,2%.

Tiềm năng nông - lâm nghiệp của tỉnh hiện còn rất lớn: cả tỉnh hiện còn 77.000 ha đất hoang hóa và sản xuất chưa ổn định; gần 25.300 ha đất vườn tạp chưa được cải tạo, sử dụng có hiệu quả; lao động chưa có hoặc thiếu việc làm còn nhiều.

Dân số tỉnh Kiên Giang năm 1999 là 1.517.000 người với mật độ 243 người/km<sup>2</sup>, trong đó người Khơme chiếm 12,1%, người Hoa chiếm gần 3%, dân cư ở

nông thôn 80%, ở thành thị 20%. Có điều đáng chú ý là hầu hết người Khơme làm nông nghiệp, có mức sống rất thấp kém, lối sống lạc hậu. Tuy trong quá trình đổi mới có đạt được một số thành tựu song do trong thời gian dài dưới tác động của cơ chế tập trung quan liêu mà hậu quả vẫn chưa khắc phục được, lại do tác động xấu của cơ chế thị trường nên vấn đề phân hóa giàu nghèo ở nông thôn có phần tăng lên, 8,7% nông dân đã sang bán ruộng đất, đời sống dân nghèo ở nông thôn còn nhiều khó khăn. Tồn tại trên ít nhiều tác động đến quá trình phát triển kinh tế hợp tác ở Kiên Giang.

## **2.2. Thực trạng kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Kiên Giang từ khi đất nước đổi mới đến nay**

### **2.2.1. Giai đoạn từ năm 1975 đến 1980**

Sau khi miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, tỉnh Kiên Giang thực hiện Chỉ thị 43 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quyết định 118 của Chính phủ, đã tiến hành điều chỉnh lại ruộng đất, trang trại, đất đai cho các hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất để sản xuất. Trên cơ sở đó tỉnh đã tiến hành quy hoạch lại sản xuất, đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, thâm canh, tăng vụ. Đồng thời chuẩn bị mọi mặt để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Nhìn chung qua chủ trương và việc làm trên, hầu hết bà con nông dân, nhất là tầng lớp nông dân nghèo không đất sản xuất rất phấn khởi và tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đã đề ra Nghị quyết và chỉ ra mục tiêu là: phấn đấu đến năm 1980 phải hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam. Sau đó là Chỉ thị 15 của Ban Bí thư, Chỉ thị 57 của Bộ Chính trị đã cụ thể hóa nghị quyết Trung ương IV, từ năm 1978 đến cuối năm 1980 phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp được đẩy mạnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Lúc đầu tỉnh chủ trương tiếp tục điều chỉnh và trang trải lại ruộng đất, đồng thời gắn với việc tổ chức thí điểm phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp theo mô hình tập thể hóa tư liệu sản xuất ở từng huyện trong tỉnh chỉ đạo phải lấy từ 1 đến 2 xã để thí

điểm và tổ chức bằng nhiều hình thức từ thấp đến cao như: tổ vận đỏi công, tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã.

Với khí thế phấn khởi và tinh thần nhiệt tình của quần chúng, nhiều đơn vị kinh tế hợp tác đã ăn nên làm ra, đã có nhiều cố gắng thể hiện được những tấm gương điển hình trong toàn tỉnh, về tăng năng suất lao động về thu nhập và nâng cao đời sống của bà con nông dân.

Tính đến năm 1980 toàn tỉnh đã xây dựng được 2.564 tập đoàn sản xuất, trong những năm đầu các tập đoàn này được sự giúp đỡ và hỗ trợ của Nhà nước về nhiều mặt như thủy lợi, cơ giới, giống, thuốc trừ sâu và nguồn vốn... cho nên phong trào lúc đó có phát huy những mặt tác dụng tích cực.

Tuy nhiên, đến năm 1979 phong trào hợp tác hóa giảm sút, có nhiều tổ chức bị tan rã. Sở dĩ có tình hình trên là vì trong quá trình tổ chức thực hiện chúng ta mắc phải những sai lầm thiếu sót như: chủ quan nóng vội, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội, làm sai với những điều mà nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin đưa ra như: thiếu dân chủ đối với nông dân, gò ép cưỡng bức họ vào các tập đoàn sản xuất, phân phối sản phẩm thiếu bình đẳng, xây dựng quan hệ sản xuất quá cao trong khi tính chất và trình độ lực lượng sản xuất ở mức thấp, không nắm được đặc điểm và tâm lý của tầng lớp trung nông Nam Bộ.

Bên cạnh nông nghiệp, trong lĩnh vực công nghiệp tỉnh cũng đã tổ chức các loại hình kinh tế hợp tác như: tổ đoàn kết sản xuất, tổ hợp tác sản xuất hoặc hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, chủ yếu ở các ngành như dệt chiếu, cơ khí sửa chữa, giao thông vận tải và xây dựng...

Trong lĩnh vực phân phối lưu thông, bên cạnh mạng lưới thương nghiệp quốc doanh tỉnh cũng đã xây dựng được 120 hợp tác xã mua bán và nhiều điểm đại lý bán lẻ, đưa hàng hóa đến tận người tiêu dùng, thành lập các quỹ tín dụng nhân dân và tổ tín dụng ở các huyện. Lúc đầu các tổ chức phát huy tốt tác dụng như: thu hút các nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân, đáp ứng tốt nhu cầu vốn cho sản xuất đời sống, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi trong nông nghiệp.

Nhưng càng về sau các tổ chức này lâm vào tình trạng vỡ nợ, phá sản, một số khác hoạt động kém hiệu quả, hoạt động cầm chừng, không có khả năng thanh toán, hoàn trả vốn cổ phần khiến cho nhân dân có sự bất bình và thiếu tin tưởng vào kinh tế hợp tác.

### **2.2.2. Giai đoạn từ năm 1981 đến năm 1985**

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đã họp và ra Nghị quyết, nội dung Nghị quyết khẳng định coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đồng thời Nghị quyết còn nêu: phải hoàn thành cơ bản cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam vào cuối nhiệm kỳ của đại hội Đảng.

Thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, tinh tiếp tục vận động nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Nhưng kết quả năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế vẫn ở mức thấp, thậm chí ngày càng thụt lùi hơn. Nguyên nhân do những yếu kém trước đây chưa khắc phục mà vẫn duy trì như cũ. Tháng 11/1981 hội nghị Trung ương 6, khóa V đã ban hành Chỉ thị 100 của Ban Bí thư nội dung nói về "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động". Chỉ thị nêu rõ mục đích là: phát triển sản xuất nâng cao hiệu quả kinh tế, lôi cuốn người lao động hăng hái sản xuất, sử dụng tốt đất đai, tư liệu sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và nâng cao đời sống xã viên.

Chỉ thị ra đời là một bước đổi mới trong lĩnh vực quản lý và một phần về tổ chức của mô hình hợp tác hóa nông nghiệp. Người nông dân nhận phần đất khoán, họ có quan tâm hơn đối với mảnh ruộng, miếng vườn, từ đó năng suất lao động có một bước tiến mới, một số đơn vị kinh tế tập thể đã ăn nên làm ra, như tập đoàn sản xuất, hợp tác xã: tập đoàn Quyết Tiến, xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng; hợp tác xã Kênh 4A, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp.

Chỉ thị 100 đã tạo nên không khí phấn khởi trong nông dân và nông thôn, người nông dân hăng hái nhiệt tình hơn đối với kinh tế hợp tác.

### **2.2.3. Giai đoạn 1986 đến 1990**

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986 khẳng định bước ngoặt trên con đường đổi mới mà trọng tâm là đổi mới tư duy kinh tế. Khẳng định sự tồn tại lâu dài của nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, coi trọng tính phù hợp giữa quy luật quan hệ sản

xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Chuyển nền kinh tế sang sản xuất hàng hóa. Sử dụng các quan hệ hàng hóa tiền tệ... trong nền kinh tế.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, có nhiều diễn biến mới, cơ chế khoán sản phẩm theo tinh thần Chỉ thị 100 lúc đầu có phát huy tốt tác dụng, nhưng càng về sau đã bộc lộ nhiều mặt hạn chế, chẳng hạn như phần nhận khoán, người nông dân làm chủ ba khâu, năm khâu còn lại vẫn do hợp tác xã điều hành, nhưng hợp tác xã vẫn không đảm bảo chất lượng của các khâu và không đáp ứng kịp thời vụ. Trong phần khoán người nông dân chỉ nhận 20% sản phẩm vượt khoán, phần còn lại phải giao cho hợp tác xã. Vì vậy không kích thích người nông dân sản xuất. Bộ máy quản lý của hợp tác xã cồng kềnh và kém hiệu lực. Các hộ nông dân khi vào tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã, ruộng đất bị cào bằng, xáo canh... thu nhập quá thấp, đời sống quá khó khăn, có nhiều gia đình chỉ để lại một vài người lao động cầm chừng trên mảnh đất tập thể, số khác lên ghe xuồng đi mua bán hoặc làm thuê làm mướn...

Bên cạnh đó kinh tế hợp tác trong các ngành các lĩnh vực khác đang có xu hướng đi xuống, một số tan rã như hợp tác xã mua bán, quỹ tín dụng nhân dân...

Trước tình hình suy giảm của sản xuất nông nghiệp, trong tỉnh có nhiều tập đoàn sản xuất, hợp tác đã cải tiến khoán 100 thành khoán gọn đến hộ xã viên. Từ thực trạng này Bộ Chính trị đã tổng kết và ngày 5/4/1988 đã ban hành Nghị quyết 10 "*Đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp*".

Nghị quyết nêu lên, hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, còn hộ gia đình xã viên là đơn vị nhận khoán của hợp tác xã.

Tiếp sau đó hội nghị Trung ương 6, khóa VI (tháng 3/1989) đưa ra quan điểm đổi mới về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã, hội nghị đã chỉ ra: kinh tế hợp tác là loại hình kinh tế tập thể được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, từ thấp đến cao. Do những người lao động tự nguyện góp vốn góp sức lập ra quản lý theo nguyên tắc bình đẳng dân chủ và cùng hưởng lợi, cùng chịu trách nhiệm, tổ chức theo qui mô thích hợp. Nghị quyết còn nhấn mạnh vai trò gia đình của xã viên và coi kinh tế hộ của xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ và là thành viên của kinh tế hợp tác.

Nhìn chung, khi triển khai Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 hầu hết các hộ nông dân rất đồng tình và phấn khởi. Đồng thời, do tự chủ trong sản xuất kinh doanh, từng hộ nông dân hăng hái lao động sản xuất, kinh tế nông nghiệp bắt đầu khôi phục trở lại, hộ nông dân đã phát huy tác dụng tốt trong sản xuất.

Nhưng sau đó lại xuất hiện nhiều mâu thuẫn mới trong nông nghiệp, đó là vấn đề tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân, vấn đề thiếu vốn sản xuất, cơ sở hạ tầng nông thôn yếu kém không đảm bảo sản xuất kinh doanh và mâu thuẫn giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Để giải quyết tình hình trên UBND tỉnh ra Chỉ thị số 04/CT-UB nội dung lấy đất vườn công vào ruộng, lấy ruộng khoán cho nông dân khác, người nông dân được trở về nền đất cũ. Nhìn chung cách giải quyết này, nông dân cũng đồng tình nhưng sau đó các mâu thuẫn mới lại xuất hiện, đó là những hộ có diện tích đất bị bình quân cào bằng thời kỳ cải tạo đối với nông nghiệp, họ đã kéo nhau lên tận tỉnh, tới cả Trung ương để khiếu nại, để nhờ Trung ương và tỉnh can thiệp, xin lại đất bị cào bằng, xáo canh hoặc đòi trở lại nền đất cũ và diện tích cũ, trước khi vào tập đoàn hoặc hợp tác xã. Trước tình hình đó, tỉnh cùng các huyện kết hợp để giải quyết, mạnh dạn đưa nông dân về nền đất cũ theo diện tích hợp lý, sau 6 tháng mùa khô năm 1988 tình hình tranh chấp ruộng đất có một bước tạm ổn.

Thực hiện nghị quyết TW 8 (khóa VI), Tỉnh ủy Kiên Giang có kế hoạch chỉ đạo củng cố phong trào hợp tác hóa. Nhưng Nghị quyết 8 không được triển khai và tổ chức thực hiện đến nơi đến chốn, cho nên sau những vụ tranh chấp ruộng đất, tranh chấp về tư liệu sản xuất nhiều tập đoàn sản xuất, hợp tác xã bị sa sút trong tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy vậy, đến năm 1986 Kiên Giang đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng hợp tác hóa trên một số lĩnh vực: với 14 hợp tác xã nông nghiệp, 51 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 130 hợp tác xã mua bán, 10 hợp tác xã giao thông vận tải và 3.680 tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Đối với nông nghiệp đã tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể dưới hai hình thức chủ yếu là tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, dựa trên cơ sở tập thể hóa về ruộng đất, đưa hơn 90% diện tích đất sản xuất lúa vào hợp tác hóa. Phong trào kinh tế hợp tác và hợp tác xã cũng đạt được những kết quả bước đầu trong việc phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật như: mở mang thủy lợi, cải tạo mặt bằng đồng ruộng, đưa tiến bộ



khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đào tạo đội ngũ cán bộ; đặc biệt là góp phần xóa bỏ tập quán sản xuất quảng canh một vụ năng suất thấp, thúc đẩy phong trào thâm canh tăng vụ, thâm canh tăng năng suất. Khi thực hiện nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI) về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, nhằm khắc phục những yếu kém khuyết điểm, củng cố đổi mới tổ chức và nội dung để phù hợp với chuyển đổi từ cơ chế hành chính tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phân đống các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã đã được thành lập ở ạt trước đây đã bộc lộ những yếu kém khuyết điểm trong quá trình tổ chức như: khoán manh mún, xáo canh, định mức khoán bất hợp lý, cách ăn chia phức tạp, áp đặt... Mặt khác, nó cũng đã bộc lộ nhiều tiêu cực trong quản lý và yếu kém trong hoạt động, đã gây cản trở lớn đến sự phát triển của lực lượng sản xuất, làm ảnh hưởng đến đời sống, tâm lý, tình cảm ngàn đời của người nông dân đối với đất đai, nên khi chuyển đổi cơ chế quản lý mới, những mâu thuẫn đó trở lên gay gắt, đã dẫn đến tan rã hàng loạt. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy có nhiều chủ trương, biện pháp củng cố, nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan vẫn không ngăn chặn được sự tan rã của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1991 toàn tỉnh củng cố và xây dựng được 7 hợp tác xã và 270 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, trong đó phần lớn tập trung ở huyện Tân Hiệp.

Huyện Tân Hiệp giữ được hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp trong khi các nơi khác tan rã hàng loạt. Có nhiều nguyên nhân trong đó chủ yếu là đất đai ở đây không bị xáo canh, sản xuất liền canh, liền cư; điều kiện về kết cấu hạ tầng thuận lợi; kinh tế hợp tác những năm qua đã thực sự mang lại lợi ích thiết thực từ đó tạo được lòng tin của xã viên; đội ngũ cán bộ khá vững vàng, có trình độ năng lực quản lý điều hành năng động, sáng tạo; đặc biệt là có sự quyết tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương.

Kết quả của việc đổi mới kinh tế hợp tác trong giai đoạn này thể hiện trên hai mặt sau đây:

- Về hợp tác xã:

Từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, do việc lấy hộ nông dân làm kinh tế tự chủ, nên nội dung hoạt động quản lý đã có sự thay đổi. Từ quản lý nhiều khâu

nay chỉ còn quản lý những khâu mà tập thể thực hiện có hiệu quả hơn hộ xã viên, các hợp tác xã đã củng cố tinh gọn tổ chức bộ máy và đổi mới quản lý điều hành nên giữ được ổn định và tiếp tục phát triển. Bộ máy quản lý hợp tác xã chỉ còn 2-3 người, đội sản xuất một người đã giảm đáng kể chi phí gián tiếp của hợp tác xã. Quản lý điều hành sản xuất có sự cải cách: ban chủ nhiệm điều hành qua các khâu bơm tưới, quản lý lịch thời vụ, công tác giống và bảo vệ thực vật. Ngoài ra có hợp tác xã còn đảm bảo nhận cung ứng vật tư cho xã viên, mở dịch vụ sửa chữa cơ khí. Những hợp tác xã có tư liệu sản xuất như: máy cày, máy suốt, ghe vận chuyển mà tập thể quản lý kinh doanh không hiệu quả đã bán cho hộ xã viên chuyển thành vốn lưu động để kinh doanh hoặc bổ sung vốn tín dụng cho xã viên vay. Số lãi thu được qua từng vụ sản xuất được trích một phần để trả công gián tiếp cho cán bộ (do đại hội xã viên quyết định). Số còn lại bổ sung vào vốn để tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh.

Từ các mô hình hợp tác xã được duy trì và làm ăn có hiệu quả nhất là hiệu quả trong sản xuất, đời sống của xã viên không ngừng được cải thiện đã tác động tích cực đến việc hình thành và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Đến lúc này toàn tỉnh đã phát triển được tổng số 115 hợp tác xã, trong đó: 26 hợp tác xã nông nghiệp, 45 quỹ tín dụng nhân dân, 2 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 2 hợp tác xã hải sản, 11 hợp tác xã giao thông vận tải, 19 hợp tác xã xây dựng, 10 hợp tác xã thương mại. Trong đó 26 hợp tác xã nông nghiệp, riêng huyện Tân Hiệp có 22 hợp tác xã, Châu Thành 2 hợp tác xã, theo Nghị định 16/CP và chính thức đi vào hoạt động theo Luật hợp tác xã, riêng 4 hợp tác xã mới thành lập đăng ký hoạt động kinh doanh theo luật định.

*- Về kinh tế hợp tác:*

Cùng với quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý nông nghiệp, toàn tỉnh còn giữ được 270 tập đoàn sản xuất. Đại bộ phận các tập đoàn sản xuất này thực chất chỉ còn lại khung trên danh nghĩa, nội dung hoạt động còn lúng túng, chưa xác định rõ. Những tập đoàn sản xuất có điều kiện về kết cấu hạ tầng như: thủy lợi tương đối hoàn chỉnh, có lưới điện thì quản lý điều hành được khâu bơm tưới, lịch thời vụ và hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ thực vật.

Riêng đối với xã viên, tập đoàn viên khi xác định gia đình họ là đơn vị kinh tế tự chủ, đã nảy sinh một số vấn đề đòi hỏi Đảng và Nhà nước cần phải quan tâm giúp đỡ như: thiếu vốn sản xuất, thiếu kỹ thuật, thiếu nguồn nước tưới tiêu, sâu rầy phát triển trở thành dịch bệnh, tranh chấp ruộng đất càng về sau diễn ra gay gắt, các công trình thủy lợi không được quản lý bị phá hủy...

#### **2.2.4. Giai đoạn 1991 - 1995**

Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ VII đã khẳng định vai trò, vị trí của kinh tế hợp tác trong nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên với thời gian khá lâu Đảng, Chính phủ và các ngành chức năng mới ra các văn bản để cụ thể hóa nghị quyết đại hội VII về phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

Riêng tỉnh Kiên Giang, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các ngành chức năng rà soát lại các loại hình kinh tế hợp tác hóa trước đây, để tiến hành củng cố xây dựng và phát triển phù hợp với cơ chế quản lý mới. Kết quả rà soát đã nắm được trong toàn tỉnh hiện có 21 hợp tác xã nông nghiệp, 43 quỹ tín dụng nhân dân, 3 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 2 hợp tác xã hải sản, 11 hợp tác xã giao thông vận tải, 13 hợp tác xã xây dựng, 9 hợp tác xã thương mại. Trong số 21 hợp tác xã nông nghiệp, riêng huyện Tân Hiệp có 19 hợp tác xã.

Trong suốt thời gian dài, các tổ chức này bị mất phương hướng hoạt động, phía chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và các ngành chức năng còn chậm, bản thân các tổ chức này khi chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường bị lúng túng. Do vậy, kinh tế hợp tác trong nông nghiệp và kể cả ở các lĩnh vực, đa phần chỉ tồn tại trên danh nghĩa, một số khác hoạt động cầm chừng thông qua một số việc như: giúp nhau làm thủ tục vay vốn ngân hàng, huy động vốn trong xã viên cho vay lại với lãi suất thấp lo về công quỹ, thủy lợi nội đồng, tìm giống mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh.

Những hoạt động này tuy chưa hình thành như một mô hình cụ thể, nhưng đó cũng chính là các hoạt động dịch vụ của kinh tế hợp tác đã cung cấp cho nông dân, theo cơ chế hoạt động mới của kinh tế hợp tác nói chung và hợp tác xã nói riêng.

Những hoạt động nói trên của một số đơn vị kinh tế hợp tác, đã làm cho bà con nông dân không chỉ chấp nhận mà thấy rất cần thiết đáp ứng cho nhu cầu sản xuất và đời sống.

Bên cạnh các tổ chức kinh tế hợp tác trước đây còn tồn tại, cho đến nay các tổ chức đoàn thể như: Hội nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh... đã tổ chức ra nhiều mô hình kinh tế hợp tác mới, toàn tỉnh có 3.289 tổ nông dân liên kết sản xuất, 1.573 tổ nhóm phụ nữ tiết kiệm, 1.614 chi hội thanh niên giúp nhau lập nghiệp, ngoài ra từng xã, ấp có lập ra các tổ làm vườn, câu lạc bộ khuyến nông, khuyến ngư...

Trong hoạt động, các tổ chức này chủ yếu giúp nhau về vốn đầu tư cho sản xuất, tìm giống mới, hướng dẫn những kinh nghiệm trong nuôi trồng, sản xuất kinh doanh, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tìm việc để làm...

Nhìn chung, đây là các tổ chức được quần chúng các giới tham gia, trên tinh thần tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Đó cũng chính là tiền đề, là cơ sở để cho ta xây dựng và phát triển kinh tế hợp tác mức độ cao hơn.

### **2.2.5. Giai đoạn từ 1996 đến nay**

Tỉnh ủy và UBND tỉnh Kiên Giang đã tổ chức triển khai Chỉ thị 68/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế", chương trình hành động của Tỉnh ủy và kế hoạch của UBND tỉnh về đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác đa dạng trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo thuộc các Sở, ban ngành cấp tỉnh và lãnh đạo ở các huyện, thị trong tỉnh.

Hội nghị đã tổng kết lại tình hình phát triển kinh tế hợp tác trong thời gian qua và thống nhất với một số kết luận như sau:

Nhìn chung các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã có thể hiện vai trò tích cực thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, cụ thể là: quy hoạch lại đất đai để tổ chức sản xuất, làm thủy lợi nội đồng, thâm canh tăng vụ, huy động lương thực, làm tốt công tác tuyên truyền...

Khi Đảng, Nhà nước chủ trương đổi mới, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì nhiều tập đoàn sản xuất, hợp tác xã do không chuyển biến kịp theo cơ chế mới cho nên dẫn đến tan rã, tình hình tranh chấp đất đai trong tập đoàn sản xuất và hợp tác xã diễn ra ở từng nơi từng lúc khá gay gắt, Ban quản lý tập đoàn sản xuất và Ban chủ nhiệm các hợp tác xã tự nghỉ việc.

Trong quá trình phát triển kinh tế hộ gia đình đã bộc lộ lên một số nhược điểm bản thân không gánh vác nổi như: vấn đề thủy lợi, nước tưới tiêu, vấn đề phòng trừ sâu bệnh, vấn đề thu hoạch và công nghệ sau thu hoạch... nó đã và đang đặt ra vấn đề hợp tác kinh tế để hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh.

Trước tình hình đó, ở nông thôn Kiên Giang cuối năm 1996 đã xuất hiện một số mô hình kinh tế hợp tác mới được tổ chức xây dựng trên cơ sở tự nguyện của nông dân.

Trong hội nghị triển khai Chỉ thị 68 Ban Bí thư Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 68, đồng thời đề ra một số nhiệm vụ cần phải tập trung thực hiện là:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân để hiểu rõ sự đổi mới kinh tế hợp tác và hợp tác xã, theo hướng đa dạng, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi.

- Khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế đa dạng trong nông nghiệp.

- Rà soát chuyển đổi các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã theo Luật hợp tác xã mới, trường hợp những tổ chức không chuyển đổi được thì tiến hành các thủ tục giải tán.

- Tỉnh chọn Tân Hiệp làm điểm chỉ đạo và quy định từng huyện chọn từ 1 đến 2 xã làm điểm chỉ đạo rút kinh nghiệm.

Tháng 7/1999 Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã tổ chức hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị 68 và Luật hợp tác xã trong nông nghiệp. Quá trình thực hiện các chính sách về kinh tế hợp tác, Kiên Giang đã đạt các kết quả sau đây:

- *Thứ nhất*: tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến Chỉ thị 68/CT-TW, Luật hợp tác xã và các Nghị định của Chính phủ. Đây là khâu công tác quan trọng mà tỉnh đã tập trung thực hiện xuyên suốt 2 năm qua. Trên cơ sở phối hợp giữa các ngành chức năng, các đoàn thể chính trị xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến Chỉ thị 68, Luật hợp tác xã, các Nghị định của Chính phủ quy định thực hiện trong nông nghiệp, chương trình hành động của Tỉnh ủy và kế hoạch của UBND tỉnh vừa có chiều rộng vừa có chiều sâu.

Đầu năm 1997, Tỉnh ủy và UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức hội nghị chuyên đề để triển khai mục tiêu quy hoạch, kế hoạch định hướng phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong nông nghiệp.

Để chuẩn bị cho hội nghị, Sở đã tiến hành khảo sát tình hình kinh tế hợp tác trong nông nghiệp từ sau Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, đánh giá lại thực trạng của các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, đồng thời xem xét đánh giá các hình thức kinh tế hợp tác mới, mới nảy sinh theo yêu cầu của sản xuất nông nghiệp. Căn cứ Luật của hợp tác xã, Chỉ thị 68, chương trình hành động số 17, căn cứ vào thực trạng kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên cơ sở khảo sát, ngành chức năng đã xây dựng kế hoạch cụ thể phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp.

Tỉnh cũng đã tổ chức đưa 61 cán bộ trong đó có 49 cán bộ chủ chốt của xã đi dự tập huấn về Luật hợp tác xã và các Nghị định của Chính phủ do Trường cán bộ quản lý nông nghiệp - phát triển nông thôn tổ chức. Tỉnh mở lớp tập huấn tuyên truyền Luật hợp tác xã và điều lệ mẫu hợp tác xã nông nghiệp cho đội ngũ cán bộ đi công tác cơ sở. Và nhiều lớp khác do các đoàn thể tổ chức. Tính đến cuối năm 1997 có trên 100 cán bộ được đưa đi tập huấn ở Trường Trung ương và tại tỉnh.

Bước sang năm 1998, được sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, phối hợp với các ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và các huyện thị, tổ chức soạn thảo và in ấn trên 2.500 bản tài liệu để phục vụ công tác tuyên truyền về Chỉ thị 68 và Luật hợp tác xã. Đồng thời mở 7 lớp tập huấn cho cán bộ tuyên truyền có 1.280 người tham dự, bao gồm các đối tượng và một số đồng chí là lãnh đạo cấp huyện và cơ sở.

Đánh giá kết quả qua các lớp tập huấn ở các huyện thị đều nhất trí cho rằng: thông qua tập huấn giúp cho cán bộ chủ chốt từ huyện xuống cơ sở quán triệt đầy đủ hơn về Chỉ thị 68/CT-TW, chương trình hành động số 17 của Tỉnh ủy và kế hoạch của UBND tỉnh, giúp đội ngũ cán bộ nắm được tinh thần cơ bản của Luật hợp tác xã, các Nghị định của Chính phủ. Đồng thời giải tỏa được những vướng mắc bản khoản về hợp tác xã kiểu mới, nắm được các quy trình vận động xây dựng hợp tác xã, biết cách xây dựng điều lệ và phương án sản xuất kinh doanh. Qua công tác tuyên truyền phổ biến các nội dung nói trên đã tạo cho đội ngũ đảng viên và trong nông dân quán triệt tương đối sâu sắc về kinh tế hợp tác và hợp tác xã theo quan điểm mới, từ đó họ đã tự giác tích cực tham gia vào các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng trong nông nghiệp.

- *Thứ hai:* cùng với công tác tuyên truyền phổ biến Luật hợp tác xã và các Nghị định của Chính phủ là công tác chỉ đạo chuyển đổi hợp tác xã cũ và thí điểm xây dựng hợp tác xã mới theo luật.

Về công tác chuyển đổi các hợp tác xã cũ sang hợp tác xã kiểu mới, nhìn chung có đảm bảo theo đúng quy trình và kế hoạch của Ban chỉ đạo. Tuy nhiên, cũng có hợp tác xã việc chuyển đổi không giải quyết dứt điểm ngay từ đầu các khoản công nợ rõ ràng. Cho nên sau đại hội xã viên, việc xử lý giải quyết công nợ gặp nhiều khó khăn. Chính quyền địa phương đang có nhiều biện pháp để hỗ trợ cho Ban quản trị hợp tác xã xử lý.

Về thành lập thí điểm hợp tác xã nông nghiệp theo luật: tỉnh đã chọn địa bàn huyện Tân Hiệp, xây dựng thí điểm ở HTX Kênh 4A, xã Tân Hiệp A.

Qua chỉ đạo điểm, tỉnh đã rút ra được kinh nghiệm đó là:

- Khâu tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp theo quan điểm mới là khâu quan trọng hàng đầu, việc này cần có sự chỉ đạo tập trung của cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị từ huyện xuống cơ sở. Cán bộ làm công tác tuyên truyền phải là những đồng chí có năng lực, có uy tín trong dân. Nội dung tuyên truyền cụ thể, phù hợp với nông dân nơi tổ chức hợp tác xã. Đặc biệt là tạo ra sự nhất trí cao trong nội bộ Đảng, chính quyền và các đoàn thể về quan điểm của

Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với kinh tế hợp tác, hợp tác xã. Khi phát động đăng ký gia nhập hợp tác xã thì cán bộ đảng viên phải gương mẫu gia nhập trước.

- Trong tổ chức thành lập hợp tác xã phải quán triệt tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, dân chủ. Việc xây dựng điều lệ, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phải cụ thể dễ nông dân dễ hiểu, dễ bàn bạc và quyết định. Điều lệ của hợp tác xã không nên nêu tất cả các vấn đề như điều lệ mẫu, phương án sản xuất kinh doanh không nên nêu quá nhiều mục tiêu mà chỉ cần chọn một, hai khâu đang có nhu cầu hợp tác mà khả năng hợp tác xã và xã viên có thể làm được.

Sau khi làm điếm, rút ra kinh nghiệm, tỉnh đã mở rộng phong trào ra toàn tỉnh. Tính đến thời điểm năm 1999, 13 huyện thị trong tỉnh đều có ít nhất một hợp tác xã mới được thành lập theo luật.

- *Thứ ba*: kết quả số lượng và nội dung hoạt động của hợp tác xã mới theo luật:

Đến nay toàn tỉnh có 29 hợp tác xã nông nghiệp, với 8.237 hộ xã viên, chiếm 3,95% số hộ nông nghiệp toàn tỉnh, có 44.911 nhân khẩu, 21.199 lao động. Diện tích tự nhiên 16.343,4 ha, trong đó diện tích sản xuất lúa 2 vụ là 13.618,1 ha, chiếm 3,09% diện tích lúa toàn tỉnh, quy mô một hợp tác xã tương đương với diện tích một ấp, từ 400-800 ha. Tổng số vốn của 29 hợp tác xã là 21.083 triệu đồng, trong đó: vốn lưu động là 1.934,4 triệu đồng, chiếm 9,17% trong cơ cấu vốn, bình quân một hợp tác xã có vốn hoạt động là 810,887 triệu đồng.

Bộ máy tổ chức điều hành hợp tác xã gọn nhẹ hơn: trong 29 hợp tác xã hiện nay, bình quân mỗi hợp tác xã ban quản lý có từ 2-3 người, ban kiểm soát từ 1-3 người, tiền lương trả cho cán bộ ban quản lý được trích khoảng 80% từ nguồn thu dịch vụ của hợp tác xã. So với năm 1986 cán bộ gián tiếp sản xuất của hợp tác xã giảm 41,6%; từng bước nâng lực điều hành, quản lý của Ban quản lý hợp tác xã được nâng lên, tổ chức được tinh gọn, hoạt động có hiệu quả hơn. Nhiều ban quản lý hợp tác xã rất năng động, có trách nhiệm. Dù chưa có phụ cấp hay vẫn hoạt động, tìm cách tranh thủ các cơ quan nhà nước (trung tâm khuyến nông, trung tâm bảo vệ thực vật, trung tâm giống cây trồng...) để đưa vật tư, lúa giống... về hỗ trợ cho xã viên; tổ chức tập huấn kỹ thuật cho xã viên. Một số



ban quản trị còn mạnh dạn đem cả tài sản, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình để thế chấp ngân hàng vay vốn cho tập thể. Có ban quản trị còn đứng ra làm dịch vụ hồ sơ, thủ tục cho hộ nông dân vay vốn ngân hàng.

Hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp phần lớn tập trung sản xuất cây lúa, điều hành kế hoạch sản xuất, lịch thời vụ và các dịch vụ như: bơm tưới, dịch vụ chuyển giao kỹ thuật khuyến nông, chương trình IBM, FPR...

Hiện nay có các mô hình hoạt động của hợp tác xã kiểu mới như:

Hợp tác xã Kênh 4A xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp: điều hành các khâu bón tưới, quản lý lịch thời vụ, công tác giống và bảo vệ sinh vật, đảm bảo cung ứng vật tư cho xã viên, mở dịch vụ sửa chữa cơ khí.

Hợp tác xã ấp Chín Ghè, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng: đảm nhận khâu bơm tưới, làm đê bao ngăn lũ, bảo vệ vườn cây ăn trái...

Hợp tác xã Tân Lang, huyện Tân Hiệp: điều hành qua các khâu bón tưới, lịch thời vụ công tác giống, khuyến nông và bảo vệ thực vật.

Hợp tác xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành: điều hành thủy lợi nội đồng, khuyến nông, công tác bảo vệ thực vật và tín chấp vay vốn cho ngân hàng.

Tuy là mới bước đầu, nhưng nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp đã góp vốn, góp sức để hoạt động tốt trong phạm vi khả năng nội lực của mình, phát huy sức mạnh tập thể trong việc làm thủy lợi nội đồng, phòng trừ sâu bệnh, diệt trừ chuột, huy động khả năng của xã viên có tư liệu sản xuất, có vốn tổ chức làm dịch vụ phục vụ cho tập thể theo kế hoạch và cả thỏa thuận.

Nhờ vậy năng suất sản lượng và thu nhập của khu vực hợp tác xã không ngừng được nâng lên. Năng suất lúa bình quân từ 8,1 tấn/ha/năm (1990) tăng lên 10,8 tấn/ha/năm (1996), bình quân tăng 6,7%/năm. So với sản xuất cá thể, chi phí sản xuất của hợp tác xã thấp hơn 16% và năng suất cao hơn 25-30%, bình quân lương thực đầu người đạt 3.412 kg/năm, cao hơn bình quân toàn tỉnh 2,7 lần; thu nhập bình quân hộ xã viên đạt 5,18 triệu đồng/người/năm, cao hơn mức thu nhập cá thể 1,36 lần.

Ngoài các hợp tác xã, toàn tỉnh hiện có 165 tập đoàn sản xuất, với 5.727 hộ tham gia, gồm 15.152 lao động với diện tích canh tác là 7.310 ha. Các tập đoàn sản xuất từng bước được củng cố, nâng chất để đủ điều kiện chuyển lên hợp tác xã (trong năm 1996 đã chuyển từ 47 tập đoàn sản xuất lên thành 4 hợp tác xã. Và đã hình thành được 5.200 tổ hợp tác, với mô hình đa dạng như: tổ liên gia vay vốn sản xuất (5.152 tổ), tổ đường nước (2 tổ), tổ làm nghề phục vụ nông nghiệp (46 tổ)... tập hợp trên 121.790 hộ tham gia vào tổ hợp tác, với trên 231.000 lao động, mô hình hợp tác này thực hiện trả công, lương theo thỏa thuận giữa tổ chuyên và tổ hợp tác hoặc đóng góp trên đầu diện tích khi thực hiện dịch vụ.

Sự hoạt động bước đầu của hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất với những ưu điểm nêu trên đã thúc đẩy sản xuất của từng hộ đạt hiệu quả kinh tế cao hơn và đã có nhiều hộ trong tổ hợp tác, hợp tác xã đạt sản xuất giỏi như: hợp tác xã Kênh 4A, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp có tổng số 403 hộ trong đó có 302 hộ đạt sản xuất giỏi. Tổ hợp tác sản xuất lúa ở ấp Chín Ghi, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng đã hùn vốn làm đê bao để hợp tác bơm tưới, giảm 2/3 chi phí khi bơm cá thể; tổ hợp tác làm đê bao ngăn lũ bảo vệ vườn cây ăn trái cũng ở ấp Chín Ghi, xã Hòa Thuận không bị thiệt hại do lũ lụt qua các năm và chi phí bơm tát giảm nhiều so với từng hộ riêng lẻ. Qua kết quả điều tra 4.680 hộ xã viên trong 12 hợp tác xã cuối năm 1996, số hộ giàu khá chiếm 37%, số hộ trung bình 57,5%, số hộ nghèo 5,5%. Điển hình như hợp tác xã Tân Long, huyện Tân Hiệp tỷ lệ hộ nghèo từ 10,7% năm 1993 giảm còn 2,67% năm 1996, trong khi toàn tỉnh tỷ lệ này là 14,5%, có nơi còn lên tới 30%.

Sự hoạt động hiệu quả của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đã được xã viên tín nhiệm. Vì vậy có những bà con nông dân ở ấp Tân Điền, xã Giục Tượng huyện Châu Thành đã yêu cầu chính quyền địa phương sớm tổ chức hợp tác xã tại địa phương mình, vì làm ăn cá thể chi phí sản xuất tăng cao, gặp nhiều khó khăn trong các khâu bơm tưới, gieo xạ, phòng trừ sâu bệnh. Bà con nông dân ấp Tân Thạnh, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp cũng yêu cầu chính quyền cho xin vào hợp tác xã, do nơi này mới tổ chức hợp tác xã được nửa ấp, và thực tế hoạt động của hợp tác xã có hiệu quả cao hơn sản xuất cá thể.

Mặt khác, kinh tế hợp tác và hợp tác xã, không chỉ gắn bó về lợi ích kinh tế với hộ xã viên, người lao động và tương trợ phát triển cộng đồng mà còn góp phần thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn, nhất là ở nông thôn. Do đó đời sống ở khu vực kinh tế hợp tác và hợp tác xã có nhiều biến đổi tích cực, sản xuất ổn định và đời sống được cải thiện so với trước về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, hưởng thụ văn hóa, thông tin, chăm sóc sức khỏe, cụ thể ở huyện Tân Hiệp nơi có hợp tác xã nông nghiệp có gần 50% nhà xã viên được xây dựng kiên cố, 100% hộ được sử dụng điện sinh hoạt và sản xuất, 90% hộ có ti vi, cassette, 100% đường giao thông nông thôn phát triển nhanh, xe 2 bánh đi lại dễ dàng trong hai mùa mưa nắng, trạm xá, trường học được xây dựng kiên cố, có cả trường học dân lập, làm bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó phong trào cách mạng ở địa phương được hộ xã viên hưởng ứng thực hiện như: hoàn thành các chỉ tiêu nộp thuế, nghĩa vụ quân sự, thực hiện các chương trình quốc gia, xây dựng gia đình văn hóa mới, giữ vững an ninh trật tự làm hạn chế thấp nhất các tệ nạn xã hội, ý thức tình làng nghĩa xóm được nâng cao, quần chúng thiết thực tham gia xây dựng Đảng và chính quyền cơ sở.

Từ sau thời điểm chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Kiên Giang còn giữ được một số hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp là thành quả và là một cố gắng lớn, trong đó những kết quả nêu trên chủ yếu là do Kiên Giang đã quán triệt và vận dụng các chủ trương đổi mới của Đảng về kinh tế hợp tác và hợp tác xã cơ bản phù hợp với tình hình kinh tế của tỉnh. Một số cấp ủy địa phương nhận thức được ý nghĩa tầm quan trọng của kinh tế hợp tác và hợp tác xã, đã kiên trì chỉ đạo, thường xuyên bám sát củng cố nâng lên, chất lượng các tổ hợp tác và hợp tác xã và từng bước phát triển thêm ở một số nơi khác. Một số ngành tỉnh tích cực hỗ trợ hướng dẫn giúp đỡ về tín dụng, khuyến nông, đã có phần củng cố và thúc đẩy kinh tế hợp tác và hợp tác xã phát triển. Tuy nhiên, phong trào hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã vẫn còn nhiều tồn tại. Đó là:

- Nhiều hợp tác xã còn *lúng túng trong phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh*, chỉ tập trung cho sản xuất cây lúa là chủ yếu, chậm chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa cây trồng vật nuôi, phát triển ngành nghề... cũng như mở ra các dịch vụ đầu ra như: đại lý thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã và sự liên doanh,

liên kết giữa hộ xã viên và hợp tác xã với các doanh nghiệp Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực vốn, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đào tạo cán bộ... để hình thành mạng lưới vệ tinh, đại lý. Vì vậy chưa phát huy đầy đủ các điều kiện về đất đai, lao động và cơ sở vật chất hiện có.

- *Kinh tế hợp tác phát triển còn chậm.* Nhiều hình thức hợp tác xuất hiện phong phú đa dạng trên các lĩnh vực, nhưng chưa được quan tâm chỉ đạo, có nơi nông dân yêu cầu tổ chức hoặc xin vào hợp tác xã nhưng chưa được đáp ứng kịp thời. Những nơi đã hình thành tổ hợp tác nhưng thiếu kế hoạch hướng dẫn nên kết quả hoạt động còn hạn chế. Nguyên nhân là:

+ Công tác tuyên truyền giáo dục cho cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân, chưa đến nơi đến chốn, chưa đều khắp. Do đó cũng còn một bộ phận chưa nhận thức đầy đủ về sự cần thiết khách quan để phát triển kinh tế hợp tác, chưa phân biệt rõ sự khác nhau giữa kinh tế hợp tác trước đây và hiện nay, chưa thấy rõ hình thức, bước đi và phương thức hoạt động của hợp tác xã kiểu mới. Từ đó Kiên Giang vẫn còn có một bộ phận cán bộ đảng viên ngần ngại khi nói đến kinh tế hợp tác, một bộ phận nông dân thiếu niềm tin và sợ vào hợp tác xã.

+ Quy trình vận động nông dân tiến tới thành lập hợp tác xã đều đúng và làm tốt; người nông dân tham gia trên tinh thần tự nguyện, dân chủ và cùng hưởng lợi, nhưng quá trình hoạt động bộc lộ một số yếu kém như: các chủ nhiệm hợp tác xã có qua trường lớp đào tạo nhưng chưa có kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh, chưa thật sự là chủ doanh nghiệp, trong hoạt động còn nhiều lúng túng, mà chủ yếu chỉ thực hiện một số khâu, nguồn vốn của hợp tác xã quá ít, trong đó tiền vay ngân hàng Nhà nước còn nhiều khó khăn, vốn điều lệ do nông dân góp quá ít. Do vậy, đã làm hạn chế việc mua sắm các loại máy móc thiết bị để phục vụ cho sản xuất và đời sống của bà con nông dân, ảnh hưởng đến hoạt động của kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã.

+ Vừa qua tỉnh cũng đã có chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn, nhưng việc triển khai thực hiện còn chậm và lúng túng, việc xác định trồng cây gì, nuôi con gì, bán ở đâu và giá cả hàng nông sản... như thế nào? Nói chung, thị trường đầu ra hiện là vấn đề khó giải đáp cho các huyện cũng như từng hợp tác

xã. Từ đó tình trạng độc canh cây lúa còn nhiều, việc mở mang phát triển ngành nghề ở nông thôn còn chậm, nhiều tiềm năng phong phú của vùng nhiệt đới chưa được khai thác tốt, các loại hàng nông sản thực phẩm qua chế biến còn ít, công nghệ lạc hậu, cho nên xuất khẩu giá thấp. Đây là khó khăn lớn của nông nghiệp.

+ Do còn nặng về độc canh cây lúa. thu nhập của bộ phận lớn của nông dân còn thấp nhất là ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc Khmer do bị ảnh hưởng của tập tục lễ hội đi chùa chiền quanh năm suốt tháng, cho nên tiền bạc để vào các lễ hội. Do đó đời sống bao giờ cũng thiếu thốn, khó khăn, lúc bệnh hoạn hay khó khăn quá đi đến cầm cố đất đai, trở thành trắng tay đi làm thuê làm mướn. Do sức mua của nông dân thấp cho nên thị trường ở nông thôn nhỏ bé và yếu ớt. Đời sống văn hóa ở nông thôn còn nghèo nàn thiếu thốn; các nhu cầu về giáo dục, y tế tuy có quan tâm nhưng chưa đáp ứng tốt. Phần đông những người thuộc diện hưởng chính sách xã hội còn nhiều khó khăn. Tình trạng trên ảnh hưởng nhiều đến phát triển kinh tế hợp tác.

*Những bài học kinh nghiệm rút ra từ phát triển kinh tế hợp tác nông nghiệp ở tỉnh Kiên Giang.*

Trên cơ sở đánh giá thực trạng về phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp đưa nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho thời kỳ tới như sau:

- Thứ nhất: phải luôn xuất phát từ thực tiễn, từ đặc điểm nông nghiệp, nông dân và nông thôn của tỉnh Kiên Giang để phát hiện và lựa chọn con đường phát triển kinh tế hợp tác đúng đắn, phù hợp với đặc điểm, hoàn cảnh và trình độ của tỉnh.

Tỉnh Kiên Giang là một tỉnh nông nghiệp, nhưng đó là một nền nông nghiệp lạc hậu, trải qua thời kỳ chiến tranh lâu dài và bị tàn phá trên nhiều mặt rất nặng nề, trình độ, tính chất của lực lượng sản xuất cũng như đặc điểm của kinh tế - xã hội của từng huyện, từng vùng nhất là vùng có đồng bào dân tộc Khmer có khác nhau, nhưng nhìn chung đều rất thấp kém.

Nông nghiệp có quy luật đặc thù khác với công nghiệp, đối tượng sản xuất là sinh vật (các loại cây, con đa dạng) do đó cần phải có hình thức phù hợp với quy luật sinh

học, quy luật tự nhiên. Vì trước đây chúng ta có một thời áp dụng máy móc hình thành tổ chức hợp tác xã và cơ chế quản lý tập trung thống nhất cứng nhắc, chạy theo quy mô lớn, tốc độ cao, dẫn đến kìm hãm lực lượng sản xuất làm hạn chế việc khai thác các tiềm năng để phát triển kinh tế.

Kinh nghiệm này chỉ ra: với nền nông nghiệp của tỉnh vẫn còn lạc hậu, phải xuất phát từ trình độ lực lượng sản xuất, đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng huyện, từng vùng, nhất là vùng có dân tộc Khơ me mà nêu lên những định hướng để những người nông dân, (nhất là số sáng lập viên) tìm tòi lựa chọn các hình thức kinh tế hợp tác và quản lý thích hợp; không nên áp dụng một mô hình đồng nhất, bước đi đồng loạt, cơ chế quản lý cứng nhắc.

- *Thứ hai: Vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước có ý nghĩa quyết định.* Các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đúng đắn, sẽ là đòn bẩy tạo ra động lực để nông dân phấn khởi sản xuất phát triển. Ngược lại chính sách gò ép, cưỡng bức, vi phạm lợi ích của nông dân thì sự sản xuất bị kìm hãm, động lực bị triệt tiêu, sản xuất trì trệ và giảm sút.

Thực tiễn cải tạo nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang suốt thời gian qua đã chứng minh cho ta thấy: thời kỳ thực hiện tập thể hóa tư liệu sản xuất gắn với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, nền kinh tế nông nghiệp có xu hướng ngày càng đi xuống. Từ khi có Chỉ thị 100 và khoán sản phẩm, kể đó Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI vấn đề đổi mới, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị... Chỉ thị 68/CT-TW của Ban Bí thư ... nông dân phấn khởi, nông thôn đoàn kết, sản xuất được giải phóng, nông nghiệp phát triển, hàng hóa nông sản phẩm dồi dào, đời sống nhân dân nói chung được nâng lên.

Điều đó nói lên rằng: đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước khi đi đúng với quy luật, hợp với lợi ích và lòng dân; thì sẽ là động lực thúc đẩy nhân dân hăng hái tham gia sản xuất; đất nước ổn định.

Bài học này chỉ cho chúng ta: ngày nay Nhà nước với tư cách là trung tâm quyền lực quản lý nền kinh tế ở tầm vĩ mô, phải tạo nên hành lang pháp lý thuận lợi, hướng dẫn giúp đỡ, bảo trợ và đầu tư đối với nông nghiệp và nông thôn.

- Thứ ba: giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ, tự nguyện lựa chọn hình thức kinh tế hợp tác.

Đưa đất nước Việt Nam định hướng lên xã hội chủ nghĩa, đó là sự lựa chọn của Đảng, Bác Hồ và của toàn dân tộc Việt Nam. Cho nên Đảng lãnh đạo nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp đó là nguyên tắc; là sự nghiệp của Đảng, là ý nguyện của nông dân, nhưng đây cũng chính là sự nghiệp cách mạng của quần chúng nông dân. Do đó phải để cho nông dân tự nguyện lựa chọn.

Bác Hồ có nói: "Kinh nghiệm của Đảng ta trong quá trình cách mạng đã chỉ ra là ở nơi nào và lúc nào cán bộ ta giải quyết tốt lợi ích thiết thực của nông dân, nắm vững liên minh công nông, thì nơi đó lúc đó cách mạng đều tiến mạnh".

Bài học này chỉ ra: Đảng lãnh đạo là Đảng chỉ ra hướng đi, bước đi của hợp tác xã. Nếu buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước thì kinh tế hợp tác thì sẽ trở thành tự phát. Còn ngược lại bao biện làm thay, can thiệp sâu vào công việc nội bộ của hợp tác xã, sẽ vi phạm quyền làm chủ của nông dân, quyền tự chủ tự quản của hợp tác xã.

- Thứ tư: Đảng có đường lối đúng thì vấn đề cán bộ có ý nghĩa quyết định biến đường lối thành hiện thực trong cuộc sống sinh động. Do đó để đưa phong trào phát triển kinh tế hợp tác đạt thành công, đòi hỏi chúng ta phải xây dựng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ (gồm cán bộ chỉ đạo phong trào và cán bộ quản lý hợp tác xã) có trình độ, năng lực quản lý, có tư duy đổi mới, năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm, có phẩm chất đạo đức tốt được quần chúng tín nhiệm.

Để thực hiện bài học này: thì Đảng phải là người vạch ra nguyên tắc và tiêu chuẩn của cán bộ, còn nông dân là người có quyền dựa vào tiêu chuẩn của Đảng chỉ ra mà lựa chọn những con người cụ thể vào các vị trí quản lý các tổ chức kinh tế.

Nhà nước cần đầu tư ngân sách cho công tác đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới.

**Tóm lại:** trên cơ sở đánh giá thực trạng về phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp, đã chỉ ra cho chúng ta thấy những mặt đã làm được, chưa làm được,

làm cơ sở giúp cho chúng ta vận dụng lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn vừa qua, để đẩy mạnh phong trào kinh tế hợp tác - hợp tác xã trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đảm bảo đúng quy luật đạt năng suất chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.



## **Chương 3**

### **Quan điểm và các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở tỉnh Kiên Giang**

#### **3.1. Quan điểm phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở Kiên Giang**

##### **3.1.1. Kinh tế hợp tác phải được đẩy mạnh trên cơ sở duy trì và phát triển kinh tế hộ**

Hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã dựa trên cơ sở quyền tự chủ kinh doanh của mỗi nông hộ. Hợp tác xã kiểu mới ra đời trước tiên là vì yêu cầu và mục tiêu phát triển của mỗi hộ nông dân là thành viên đã góp vốn, cổ phần, góp sức để thành lập các hợp tác xã. Vì vậy hợp tác xã kiểu mới trước hết phải thực hiện có hiệu quả các hoạt động dịch vụ đầu vào và đầu ra cho kinh tế hộ nông dân mà bản thân các nông hộ không thể hoặc chỉ có thể thực hiện các hoạt động dịch vụ này với hiệu quả kém. Nếu không có hợp tác xã thì bản thân kinh tế hộ, khi có đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh cũng không trở thành "tế bào" của nền kinh tế thị trường, càng không thể đứng vững trong điều kiện cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các thành phần kinh tế. Vì vậy trong kinh tế thị trường hợp tác xã kiểu mới ra đời là vì kinh tế hộ, chứ không phải để thay thế kinh tế hộ. Ngược lại kinh tế hộ là cơ sở tồn tại của hợp tác xã kiểu mới, mọi loại hình hợp tác không dựa trên hướng dẫn phát triển kinh tế hộ là không đúng với quan điểm hợp tác kiểu mới. Bởi vì:

- Kinh tế hợp tác và hợp tác xã là một tổ chức kinh tế do nông dân tự nguyện góp vốn, góp sức để tổ chức, theo nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi; Là tổ chức kinh tế tự chủ, tự quản, đa dạng về hình thức tổ chức, về nội dung hợp tác, về qui mô trình độ và hình thức sở hữu.

- Hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, là "tế bào" cấu thành kinh tế hợp tác và hợp tác xã, kinh tế hộ càng phát triển càng tạo ra những tiền đề kinh tế thuận lợi cho sự phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Đồng thời kinh tế hợp tác và hợp tác xã là môi trường

quan trọng để bổ sung, hỗ trợ cho kinh tế hộ, phát huy kết quả khả năng của mình trong sản xuất kinh doanh.

- Đặc trưng về tổ chức sản xuất quản lý kinh doanh của kinh tế hợp tác và hợp tác xã kiểu mới là không bao trùm trên toàn bộ các khâu trong sản xuất kinh doanh, không quản lý mọi hoạt động kinh tế - xã hội của hộ xã viên, mà kinh tế hợp tác và hợp tác xã chỉ hoạt động kinh doanh trong những khâu, những lĩnh vực đòi hỏi phải có sức mạnh của tập thể, phải kinh doanh chung mới có hiệu quả nhằm hỗ trợ cho kinh tế hộ xã viên và các thành viên trong tổ chức.

Trong nông nghiệp, kinh tế hợp tác và hợp tác xã chủ yếu làm các dịch vụ như: Tổ chức khuyến nông, làm thủy lợi, bảo vệ thực vật, giống, thú y, làm đất, cung cấp vật tư, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm...

Do vậy, có thể nói kinh tế hộ và kinh tế hợp tác có quan hệ hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau.

### **3.1.2. Phải thực hiện đa dạng hóa các loại hình hợp tác**

Để phát huy hết tiềm năng và phù hợp với từng điều kiện cụ thể của từng nơi, kinh tế hợp tác ở nước ta phải được phát triển mạnh từ thấp tới cao, dưới nhiều hình thức đa dạng, ở nhiều cấp độ. Có hợp tác một khâu, có hợp tác nhiều khâu, có hợp tác giản đơn, có hợp tác "lông", tạm thời (không đăng ký kinh doanh), có hợp tác thành doanh nghiệp (tổ chức chặt chẽ) với tư cách pháp nhân; có hợp tác vừa góp vốn, vừa góp sức, hoặc chủ yếu chỉ góp vốn không góp sức; có hợp tác sản xuất tập trung hoặc chỉ làm dịch vụ cho sản xuất của xã viên; có hợp tác trên phạm vi địa bàn hẹp hoặc không giới hạn địa bàn hoạt động với qui mô lớn nhỏ khác nhau. Tiếp tục phát triển nhiều hình thức kinh tế hợp tác, các loại hình dịch vụ cho kinh tế hộ nông dân, từng bước xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã.

Các hình thức khác nhau đều được Nhà nước hướng dẫn, giúp đỡ và có chính sách phát triển khi có điều kiện thì chuyển thành hợp tác xã, đồng thời đổi mới các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất hiện có.

Chúng ta biết rằng chế độ hợp tác mới trong nông nghiệp, nông thôn bao hàm các quá trình, các loại hình, các trình độ tổ chức liên kết hợp tác giữa các hộ nông dân, các thành phần kinh tế từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp.

Có những loại hình được tổ chức, có tư cách pháp nhân, có cơ quan quản lý, điều khiển chúng đó là hợp tác xã.

Có những loại hình hợp tác nhưng không có tư cách pháp nhân, cũng không có cơ quan chung quản lý điều khiển, mà chủ yếu do sự thỏa thuận giữa các nông dân với nhau nhằm hợp tác để thực hiện một số khâu nào đó trong sản xuất kinh doanh.

Vừa qua tỉnh Kiên Giang xuất hiện rất nhiều các mô hình hợp tác và thật sự nó đáp ứng nhu cầu bức xúc của nông dân trong sản xuất kinh doanh và đời sống. Nhưng mặt khác các loại hình này chính là nhịp cầu để chuyển dần từ hình thức hợp tác giản đơn tiến lên hợp tác xã.

Do đó trong thời gian tới vừa nhân rộng các mô hình đã có, đồng thời khuyến khích, hướng dẫn tổ chức các loại hình mới như:

- + Hợp tác trồng trọt, chăn nuôi.
- + Hợp tác tạo vốn, tín dụng cho các hộ nông dân.
- + Hợp tác về các loại dịch vụ như cung ứng vật tư, tổ chức lưu thông tiêu thụ sản phẩm và các dịch vụ khác ở nông thôn.
- + Phát triển các hình thức hợp tác dưới dạng nghề nghiệp như: Hội làm vườn, Hội nuôi tôm...

Cần lưu ý là phong trào hợp tác hóa phải được tổ chức từ thấp đến cao, phải thật sự dân chủ trong quản lý, nhưng tránh dừng quá lâu ở các hình thức tổ chức hợp tác mà phải đưa lên hợp tác xã.

### **3.1.3. Kinh tế hợp tác phải phát triển trong mối quan hệ gắn bó với các thành phần kinh tế khác**

Kinh tế hợp tác liên hệ với các thành phần kinh tế khác theo yêu cầu mới nhằm tạo ra năng suất chất lượng cao hơn, đem lại lợi ích thiết thực cho nông dân và xã hội.

Hoạt động của các hợp tác xã gắn với các thành phần kinh tế khác vừa có tác dụng hỗ trợ, tạo điều kiện để kinh tế hợp tác phát triển vừa góp phần phát huy hiệu quả đầu tư của Nhà nước trên từng địa bàn nhất là về thủy lợi và khoa học kỹ thuật. Các hợp tác xã, hộ gia đình, các thành phần kinh tế, hoạt động trên cơ sở các hình thức liên kết, hợp tác tự nguyện theo quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp nhà nước hợp đồng dài hạn với hộ nông dân, với các hợp tác xã để cung ứng vật tư, nguyên liệu và tiêu thụ các sản phẩm, tạo môi liên kết ổn định lâu dài với nông dân. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp và nông thôn, mỗi thành phần có vị trí, vai trò riêng và đều được khuyến khích phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các chủ thể kinh tế vừa cạnh tranh, vừa hợp tác với nhau với các hình thức tổ chức hoạt động kinh tế đa dạng, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng, hợp tác và hướng dẫn kinh tế tư nhân phát triển theo đúng pháp luật.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh cũng như các doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn tỉnh có liên quan đến sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn cần phải mở rộng các hình thức liên kết liên doanh giữa doanh nghiệp nhà nước với hộ nông dân, các tổ hợp tác và hợp tác xã trong lĩnh vực đầu tư sản xuất các loại nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ các loại hàng hóa nông sản thực phẩm. Các hợp tác xã mới xây dựng cần có sự liên kết và hỗ trợ của doanh nghiệp nhà nước để ổn định phát triển sản xuất kinh doanh.

#### **3.1.4. Đẩy mạnh kinh tế hợp tác đi đôi với đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi và ứng dụng thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ**

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực chất là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp là chính sang nông - công nghiệp - dịch vụ, là phát triển toàn diện nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; gắn sản xuất với thị trường. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, sự đổi mới bộ mặt nông thôn như vậy còn là thước đo trình độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng chính quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và ứng dụng thành tựu cách mạng khoa học kỹ thuật đặt ra các yêu cầu và tạo ra các tiền đề đẩy mạnh kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã. Các yêu cầu là:

- Yêu cầu về vốn: muốn chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, yêu cầu về vốn để thay đổi giống, mua sắm thiết bị, phân bón, thức ăn, các phương tiện phòng trừ sâu bệnh.

- Yêu cầu về kỹ thuật: khi đã chuyển sang trồng trọt, chăn nuôi theo hướng chuyên canh với giống mới năng suất cao thì quy trình, kỹ thuật mới có vai trò quyết định thắng lợi.

- Yêu cầu về tổ chức quản lý, điều hành hoạt động theo lịch trình hợp lý khoa học, đáp ứng những yếu tố đầu vào, giải quyết đầu ra không thể là công việc của cá nhân.

Muốn đáp ứng các nhu cầu trên, phải có sức mạnh của tập thể. Do đó đặt ra nhiệm vụ phải củng cố đẩy mạnh kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã.

### **3.1.5. Phải có sự hỗ trợ của Nhà nước với kinh tế hợp tác**

Quá trình phát triển kinh tế hợp tác là quá trình tăng cường vai trò Nhà nước đối với thành phần kinh tế này. Nhà nước tăng cường chỉ đạo công tác quy hoạch, phân bổ lực lượng sản xuất, xây dựng chính sách, quản lý các chương trình trong nông nghiệp và nông thôn, thực hiện đầy đủ chức năng quản lý toàn diện về nông nghiệp, xây dựng các chính sách tạo điều kiện để đổi mới và phát triển hợp tác xã, bảo hộ quyền lợi hợp pháp, bảo đảm quyền bình đẳng của hợp tác xã trong sản xuất kinh doanh. Nhà nước có chủ trương chính sách cụ thể thiết thực cho kinh tế hợp tác nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng có điều kiện cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác như: chính sách thuế, vốn vay, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, chỉ đạo các doanh nghiệp Nhà nước ưu tiên liên kết làm ăn với các hợp tác xã nhằm cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã, đào tạo cán bộ; chỉ đạo bộ máy các cấp các ngành, tạo điều kiện cho kinh tế hợp tác và hợp tác xã nói chung hoạt động có như vậy hợp tác xã nông nghiệp mới phát triển vững chắc, làm tốt vai trò vị trí chức năng của mình trong nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không có sự hỗ trợ lãnh đạo của Nhà nước thì kinh tế hợp tác và hợp tác xã không thể phát triển được.

Vai trò hỗ trợ của nhà nước đặc biệt quan trọng trên các mặt sau đây:

- Chính sách về vốn, tài chính tín dụng và đầu tư.
- Chính sách thị trường đối với nông nghiệp, nông thôn.
- Chính sách thuế và xây dựng chính sách bảo trợ cho nông nghiệp.
- Chính sách khoa học, công nghệ và môi trường phục vụ cho nông nghiệp nông thôn.

### **3.2 Các giải pháp nhằm phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới**

Để đổi mới hợp tác xã nông nghiệp bản thân nội tại hợp tác xã phải có sự tự đổi mới và sự giúp đỡ từ phía Nhà nước. Căn cứ bản chất và đặc trưng hợp tác xã kiểu mới, căn cứ thực trạng hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh và yêu cầu đổi mới, cần tập trung một số biện pháp chủ yếu sau:

#### **3.2.1. Mở rộng công tác tuyên truyền về hợp tác và kinh tế hợp tác và xây dựng điển hình để mọi người dân hiểu rõ, tự nguyện tham gia**

Trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý, vai trò tự chủ trong sản xuất kinh doanh của hộ nông dân ở Kiên Giang ngày càng phát huy, đây là một trong những nhân tố quan trọng đem lại sự chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp nông thôn. Từ khi được giao quyền sử dụng đất lâu dài, hộ nông dân mạnh dạn mua sắm nông cụ máy móc, đầu tư thâm canh, chủ động áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ chế cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, nhu cầu xã hội để đem lại hiệu quả cao hơn.

Tuy nhiên trong quá trình phát triển sản xuất, hộ nông dân cũng thấy rằng việc sản xuất riêng lẻ của từng hộ có những khó khăn nhất định nên đã tự phát hình thành những hình thức hợp tác đa dạng trong nông thôn. Có những tổ chức hợp tác đơn giản như tổ tương trợ, câu lạc bộ khuyến nông, IPM, tổ nông dân liên kết, tương trợ giúp nhau trong các khâu làm đất gieo cấy, thu hoạch để kịp thời vụ. Một số tổ hợp tác có tổ chức cao hơn bao gồm một số hộ cùng góp vốn mua sắm máy móc nông cụ để đưa vào sản xuất kinh doanh dịch vụ trên tinh thần tự nguyện, cùng chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh như các tổ góp vốn làm dịch vụ sản xuất và phát triển ngành nghề đã trình bày

phần trước, hiện đang hoạt động hiệu quả. Thực trạng này cho thấy nếu được hướng dẫn và tạo điều kiện giúp đỡ thì hình thức hợp tác đã có cũng có thể dần dần phát triển thành những hợp tác xã trong nông thôn một cách khách quan. Do vậy cần nắm bắt thực tế sản xuất, các ngành nghề, các nhu cầu dịch vụ thiết thực trong nông thôn để tuyên truyền, xây dựng điển hình, khuyến khích phát triển những hợp tác xã kiểu mới phù hợp với bước đi và thực trạng hiện có, cụ thể là:

\* Các huyện, thị, các xã, phường, thị trấn có sản xuất nông nghiệp cần tiếp tục tăng cường tuyên truyền, vận động chỉ đạo điềm, hỗ trợ nông dân phát triển hợp tác xã nông nghiệp, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc phương châm hợp tác của Đảng, đúng Luật hợp tác xã. Tạo điều kiện cho ban quản trị các hợp tác xã và nông dân học tập thực tế là cách làm tốt nhất trong việc đẩy mạnh vận động, khuyến khích nông dân phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã.

\* Các huyện, thị, các xã, phường, thị trấn có sản xuất nông nghiệp cần tiến hành điều tra tổng kết đánh giá các loại hình kinh tế hợp tác mới đã có ở địa phương để giúp đỡ phát triển đúng hướng và hoạt động có hiệu quả. Đồng thời tổ chức giới thiệu các mô hình hợp tác mới để nông dân lựa chọn và thành lập phù hợp với trình độ quản lý và nhu cầu hợp tác của họ.

\* Những nơi tình hình sản xuất khó khăn, trình độ canh tác thấp thì giới thiệu các hình thức hợp tác giản đơn, mà nội dung hợp tác chủ yếu là giúp nhau kinh nghiệm làm ăn tổ chức vằn đổi công, liên kết vay vốn hỗ trợ các khâu canh tác tưới tiêu... để bà con nông dân học tập.

Những nơi có nhu cầu cao hơn thì giới thiệu mô hình các tổ chức góp vốn hình thành những tổ hợp tác sản xuất kinh doanh hoặc dịch vụ cho sản xuất mà quy mô hợp tác không nhất thiết phải lớn từ đầu. Nội dung hoạt động cần xuất phát từ nhu cầu thực tế, có thể hợp tác phát triển ngành nghề, dịch vụ một hay nhiều khâu trong quá trình sản xuất để các hộ nông dân tìm hiểu.

\* Những nơi hình thành sản xuất phát triển, để tạo điều kiện cho nông hộ phát triển sản xuất tốt hơn nhờ những hoạt động tập thể hỗ trợ, qua những sáng lập viên có thể

vận động, thành lập những hợp tác xã mới theo Luật hợp tác xã. Không được gò ép, áp đặt, song khi thực tế có nhu cầu thì cần hướng dẫn và tạo điều kiện cho hợp tác xã phát triển, nhất là có những chính sách khuyến khích miễn giảm thuế cho những hoạt động dịch vụ của hợp tác xã, khuyến nông, trợ giúp vốn thông qua các dự án, đào tạo cán bộ...

\* Tỉnh cần tạo điều kiện và tiền đề cần thiết cho kinh tế hợp tác của nông dân phát triển hướng vào mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế hộ như chú trọng giải quyết đất đai, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn nhất là thủy lợi, giao thông, điện, đẩy mạnh giao thông hàng hóa nông thôn. Những điều kiện này sẽ có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ, sẽ là tiền đề cho các hợp tác xã mới ra đời. Đây là cách vận động tuyên truyền tốt nhất.

\* Phải tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý hướng dẫn hỗ trợ của chính quyền, và vai trò tuyên truyền vận động của các đoàn thể nhân dân, đây là nhân tố quyết định sự phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Thực tiễn tỉnh ta cho thấy rất rõ nơi nào có sự kiên định và thường xuyên quan tâm lãnh đạo quản lý hỗ trợ vận động của cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân thì nơi đó kinh tế hợp tác và hợp tác xã không những được giữ vững mà còn phát triển và ngược lại. Vì vậy để phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã đòi hỏi phải luôn quan tâm tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý hướng dẫn hỗ trợ của chính quyền các cấp và vai trò tuyên truyền vận động của các đoàn thể nhân dân, nhất là ở cơ sở.

Những kinh nghiệm chủ yếu trên đây được rút ra từ thực tiễn ở Kiên Giang, chính là những mặt cơ bản, có mối liên hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Vì vậy, khi vận dụng công tác tuyên truyền cần phải có sự phát huy đồng bộ, không được xem nhẹ mặt nào, song trong đó nhân tố có ý nghĩa quyết định nhất vẫn là sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy Đảng và công tác tuyên truyền, xây dựng điển hình để mọi người hiểu rõ, tự nguyện tham gia.

**3.2.2. Xem xét giải thể các hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất không có hiệu quả, chấn chỉnh những hợp tác xã và tập đoàn sản xuất còn tồn tại để hoạt động theo nhận thức mới**



Các hợp tác xã yếu kém thực chất chỉ tồn tại hình thức, đa số không còn hoạt động nhưng chưa giải thể được vì các vấn đề đất đai, công nợ, tài sản chưa được giải quyết dứt điểm, rạch ròi, xã viên không còn tha thiết với hợp tác xã vì hợp tác xã không giúp được gì cho họ. Tuy chưa giải thể hẳn nhưng bản thân các xã viên cũng tự làm ăn riêng lẻ trên diện tích đất hợp tác xã giao khoán trước đây, có nơi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nơi chưa được cấp, hoặc trên diện tích tự mình phục hóa thêm. Bản thân ban quản lý hợp tác xã có nơi còn duy trì những hoạt động cho chính quyền là chủ yếu, có nơi cũng không còn duy trì, mỗi người tự lo sản xuất riêng. Tài sản của các hợp tác xã này không còn gì quan trọng ngoài một số tài sản không còn giá trị, văn phòng làm việc, sân kho hư hỏng..., vốn hầu như bị xã viên chiếm dụng.

Do đó đối với hợp tác xã yếu kém, theo quan điểm của chúng tôi, có thể xem xét theo hai hướng:

Những hợp tác xã yếu kém nhưng xã viên ở đó thấy còn nhu cầu hợp tác để giúp cho sản xuất tốt hơn, như thủy lợi, khuyến nông, làm đất, vay vốn...) thì có thể chuyển sang hình thức hợp tác phù hợp với điều kiện tổ chức của mình như tập đoàn sản xuất, tổ hợp tác ...

Đối với các hợp tác xã quá yếu kém và thực tế ở đó chưa cần duy trì các hình thức hợp tác thì nên giải quyết giải thể, vì nếu cố gắng duy trì, chuyển đổi cũng sẽ tiếp tục gặp khó khăn, những điều kiện đổi mới cho hợp tác xã ở đây quá hạn chế, phải cần nhiều thời gian khắc phục.

Cần tiến hành các bước cần thiết giải quyết những tồn tại trước khi chuyển hình thức hoặc giải thể. Những hợp tác xã giải thể cần được chính quyền quan tâm giúp giải quyết tồn tại và hướng dẫn sản xuất, sau này nơi nào có những nhu cầu hợp tác thì hướng dẫn họ hình thành những hình thức hợp tác phù hợp như tổ hợp tác dịch vụ một khâu nào đó, tổ đoàn kết vay vốn... hoặc vươn lên thành lập hợp tác xã một cách tự nguyện của bản thân những người sản xuất có nhu cầu. Quá trình này cũng phù hợp nguyện vọng của bà con xã viên và quy luật hình thành phát triển các hợp tác xã.

Giải thể những hợp tác xã yếu kém cũng là yêu cầu của việc củng cố phong trào hợp tác xã vì một mặt cần giúp đỡ để các hợp tác xã khác, trung bình vươn lên thực hiện được yêu cầu đổi mới theo hợp tác xã kiểu mới để hoạt động có hiệu quả, lấy đó làm những điển hình nhân rộng, mặt khác đối với những nơi chưa có điều kiện thì không nên vội vàng và áp đặt phát triển hợp tác xã.

Các bước công việc cần thực hiện để giải thể là:

- Kiểm kê lại tài sản, vốn quỹ và tập trung xử lý tồn tại tài sản, công nợ.
- Bàn giao tài sản, công nợ phải thu, phải trả cho chính quyền, xã, phường tiếp tục xử lý.
- Cố gắng giải quyết ổn định ruộng đất đã giao khoán trước đây và hoàn thành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ xã viên.
- Củng cố tổ chức để giúp chính quyền xã, phường theo dõi, hướng dẫn hoạt động sản xuất của nông dân.
- Hướng dẫn nông dân tự nguyện liên kết hợp tác để hỗ trợ lẫn nhau. Các tổ chức đoàn thể có thể thông qua đoàn thể mình hình thành những câu lạc bộ khuyến nông, tổ đoàn kết vay vốn...

Với những hợp tác xã và tập đoàn sản xuất không cần giải thể thì phải chấn chỉnh lại. Phương hướng là:

- *Đối với hợp tác xã:*

+ Tiếp tục chuyển đổi đăng ký kinh doanh, qua đó củng cố giữ vững những hợp tác xã hiện có, bảo đảm đủ điều kiện và hoạt động đúng theo Luật hợp tác xã. Tiếp tục đổi mới các hợp tác xã theo hướng phát huy hơn nữa tiềm năng to lớn và vị trí quan trọng lâu dài của kinh tế hộ xã viên, đồng thời làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất, phát triển kinh doanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ mà từng hộ xã viên không làm được hoặc làm không có hiệu quả.

+ Tiến hành đánh giá phân loại các hợp tác xã để có kế hoạch củng cố những đơn vị yếu kém mà không cần giải thể. Đồng thời có biện pháp giúp đỡ tạo điều kiện để các

hợp tác xã từng bước vươn lên hoạt động toàn diện cả sản xuất và kinh doanh dịch vụ. Về sản xuất, chủ yếu đảm nhiệm các khâu: thủy lợi, lịch thời vụ, kỹ thuật, làm đất, giống, dịch vụ bảo vệ cây trồng vật nuôi, cơ cấu mùa vụ... Về kinh doanh dịch vụ, tập trung củng cố quỹ tín dụng nhân dân, huy động thêm vốn, cho vay chủ yếu trong hộ xã viên, thực hiện lãi suất đúng quy định của Nhà nước; Mặt khác tùy điều kiện và khả năng của từng hợp tác xã, cần sử dụng vốn quỹ và huy động vốn cổ phần trong xã viên kinh doanh dịch vụ cung ứng vật tư, giống cây trồng vật nuôi, tiêu thụ sản phẩm...

+ Chỉ đạo xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng ngành nghề cho từng hợp tác xã và hộ xã viên phù hợp với điều kiện thực tế để rút kinh nghiệm nhân rộng.

- *Đối với tổ hợp tác:*

Tổ chức rà soát đánh giá cho đúng thực chất tình hình của các tập đoàn sản xuất và tổ hợp tác để có chủ trương phù hợp cụ thể đối với từng đơn vị.

+ Đối với những tập đoàn sản xuất đúng thực chất, hoạt động có hiệu quả cần duy trì và tích cực giúp đỡ để tạo điều kiện từng bước nâng lên thành hợp tác xã. Đối với những đơn vị không đúng thực chất, sản xuất kinh doanh hiệu quả thấp, phải tìm nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Chủ yếu là xác định lại nội dung hợp tác, tập trung làm tốt một số khâu dịch vụ sản xuất như làm thủy lợi nội đồng, hợp tác bơm tưới, quản lý lịch thời vụ, công tác khuyến nông, đặc biệt là lựa chọn bố trí đúng cán bộ quản lý thông qua bầu chọn dân chủ. Nếu làm ăn kém hiệu quả kéo dài không củng cố được thì phải chuyển đổi hình thức hoặc giải thể.

+ Đối với các loại hình tổ hợp tác hiện có, cần chỉ đạo giúp đỡ nâng cao chất lượng hoạt động và từng bước mở rộng nội dung hợp tác, từ một khâu ra nhiều khâu, từ tổ chức giản đơn để vay vốn ngân hàng, từ tổ nhân dân tự quản chuyển dần sang hợp tác sản xuất, từ tổ hợp tác đơn lẻ tiến tới liên kết với nhiều tổ hợp tác khác để từng bước nâng lên thành hợp tác xã khi có điều kiện và nhu cầu.

+ Đi đôi với đổi mới, nâng cao chất lượng các tổ chức kinh tế hợp tác hiện có cần tập trung chỉ đạo xây dựng và phát triển mạnh mẽ các loại hình kinh tế hợp tác đa dạng,

từ thấp đến cao, có nội dung hoạt động phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nơi như: tổ liên kết sản xuất, tổ khuyến nông, tổ dịch vụ phục vụ sản xuất, tổ làm vườn... có đơn vị hợp tác một khâu và nhiều khâu; có đơn vị hợp tác giản đơn, hợp tác lỏng, tạm thời (không đăng ký kinh doanh) hoặc hợp tác thành doanh nghiệp; có đơn vị hợp tác vừa góp vốn, góp sức hoặc chỉ góp vốn; có đơn vị hợp tác sản xuất tập trung hoặc chỉ làm dịch vụ cho sản xuất của xã viên; có đơn vị hợp tác trên phạm vi hẹp hoặc không giới hạn quy mô địa bàn...

*Cần chú ý một số điểm sau đây khi chấn chỉnh kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã*

- Hình thức hợp tác hóa cố nhiên phải là hình thức tổ chức kinh tế hàng hóa, có tính đến điều kiện sản xuất và thị trường hiện đại. Điều quan trọng là các hình thức tổ chức kinh tế này phải cấu thành hệ thống tái sản xuất.

Phù hợp với đòi hỏi của những quy luật phổ biến và đặc thù của hợp tác hóa nông nghiệp, có những hình thức tổ chức hợp tác xã sau đây:

+ Hợp tác xã sản xuất mà thực chất là những hợp tác xã cổ phần của các gia đình nông dân, thợ thủ công. Hình thức hợp tác xã cổ phần hoàn toàn phù hợp với yêu cầu xã hội hóa xã hội chủ nghĩa, trong đó người lao động thật sự làm chủ sản xuất và phân phối thông qua điều lệ tổ chức dân chủ, khác hẳn kiểu tổ chức dân chủ hình thức trước đây. Hình thức hợp tác này sẽ là hình thức phổ biến cơ bản ở nông thôn.

+ Các hợp tác xã dịch vụ vật chất (tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng) do nông dân tổ chức ra hoạt động song song với hợp tác xã tín dụng.

+ Hợp tác xã dịch vụ về khoa học, kỹ thuật, quản lý, đào tạo cán bộ, xây dựng các dự án đầu tư.

Ngoài ra, cũng cần chú trọng các loại hình liên kết giữa hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác như:

+ Hình thức liên doanh giữa nông dân, hợp tác xã với kinh tế quốc doanh trên tiểu vùng hoặc vùng lãnh thổ.

+ Hình thức liên doanh giữa hợp tác xã với xí nghiệp tư bản tư nhân, phát triển thành các xí nghiệp tư bản Nhà nước.

+ Hình thức liên doanh giữa các hợp tác xã nông nghiệp với các tổ chức kinh tế nước ngoài. Nếu liên doanh với tư bản nước ngoài thì sẽ xuất hiện hình thức tư bản Nhà nước.

Mỗi hình thức hợp tác nói trên chỉ xuất hiện khi có nhu cầu tương ứng của lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Vì vậy trên các vùng khác nhau, các trình độ phát triển kinh tế khác nhau, các hình thức và quy mô hợp tác sẽ không giống nhau. Các tổ chức kinh tế không thể thành lập theo mệnh lệnh chính, đồng loạt trong cả nước.

Trong quá trình ra đời, một mặt, các hình thức hợp tác sẽ gắn bó với nhau, làm điều kiện cho nhau để tái sản xuất. Do đó, chúng tạo thành hệ thống ngang. Mặt khác, mỗi loại hình hợp tác ở cơ sở lại gắn với các đơn vị kinh tế quốc doanh cùng ngành theo hệ thống dọc. Cả hai hệ thống ngang và dọc hoạt động sẽ tạo thành thị trường, thu hút cả các hộ, các nông trại còn nằm ngoài tổ chức hợp tác. Sự phát triển của thị trường (khi loại trừ yếu tố đầu cơ) sẽ phản ánh đúng trình độ phát triển phân công lao động xã hội.

- Quá trình hình thành hệ thống kinh tế hàng hóa hợp tác xã như vậy đòi hỏi phải có các biện pháp quản lý phù hợp. Xuất phát từ bản chất hợp tác hóa, các biện pháp quản lý sau đây trở nên cần thiết:

Bộ máy quản lý hợp tác xã cần phải tổ chức lại theo hướng tinh gọn, có hiệu lực, thực hiện đúng chức năng kinh tế. Từng hợp tác xã phải có sự tính toán cụ thể những yêu cầu của nông dân để chỉ đạo sản xuất và phục vụ sản xuất. Từ đó xác định quy mô khối lượng công việc mà tập thể phải đáp ứng. Bộ máy quản lý hợp tác xã được tổ chức ra để đảm nhận công việc trên. Đó là quan điểm từ công việc mà đặt ra tổ chức và con người, tránh tình trạng cứ lập tổ chức nhưng chưa cần biết phải làm những gì cụ thể.

- Xuất phát từ hộ là đơn vị kinh tế tự chủ, quan hệ kinh tế giữa hộ nông dân với hợp tác xã vừa là quan hệ hợp đồng, vừa là quan hệ hướng dẫn, nên Ban quản lý hợp tác xã có nhiệm vụ chủ yếu là:

+ Hướng dẫn việc sử dụng đất đai mùa vụ, phương hướng, cơ cấu, sản xuất theo quy hoạch trước mắt và lâu dài, hướng dẫn hộ xã viên lập kế hoạch sản xuất kinh doanh.

+ Hướng dẫn hộ xã viên kiến thức làm ăn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, cung cấp thông tin kỹ thuật, thị trường.

+ Tổ chức dịch vụ các khâu trước, trong và sau sản xuất.

+ Thực hiện hợp đồng dịch vụ, mua bán đối với các đơn vị kinh doanh.

+ Thực tế trong và ngoài hợp tác xã; mở rộng liên doanh liên kết trong hoạt động kinh doanh.

+ Tạo vốn quỹ từ thiện nguồn, phải bảo tồn và sinh lợi vốn để tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất kỹ thuật, mở mang ngành nghề, phát triển hợp tác xã.

+ Hướng dẫn sự hợp tác giữa các nhóm hộ trong hợp tác xã.

+ Góp phần chăm lo đời sống và giúp đỡ các hộ khó khăn.

- Cần chú ý phát hiện trong thực tế đi đôi với đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật và đào tạo con người để thúc đẩy làm nảy sinh nhu cầu và tạo điều kiện cần và đủ cho việc hình thành các tổ chức kinh tế hợp tác. Đặc biệt là việc hợp tác trong khâu bơm tưới thủy lợi, coi đây là một trong những khâu có ý nghĩa đột phá để liên kết những người sản xuất riêng lẻ lại với nhau hình thành nên tổ hợp tác và là khâu tập dượt đầu tiên để mở ra hợp tác trên các khâu và lĩnh vực khác.

- Việc tổ chức mới các tổ chức kinh tế hợp tác phải bảo đảm tuân thủ triệt để nguyên tắc tự nguyện và tự chủ, quản lý dân chủ và bình đẳng, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi; tuyệt đối không được gò ép, nóng vội, phải tôn trọng tính đa dạng phong phú của các loại hình tổ chức và nội dung hoạt động hợp tác, có loại hoạt động theo Luật dân sự (tổ hợp tác) có loại hoạt động theo Luật hợp tác xã. Chính quyền các cấp cần giúp đỡ hướng dẫn và tạo điều kiện để các tổ chức kinh tế hợp tác ra đời và không ngừng phát triển theo pháp luật.

- Gắn lợi ích kinh tế với lợi ích xã hội và xây dựng nếp sống văn hóa mới ở nông thôn.

Cần chú ý lãnh đạo và hỗ trợ cho các đơn vị kinh tế hợp tác tổ chức tốt việc xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội như: giao thông nông thôn, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục, khu vui chơi giải trí... trên cơ sở sản xuất phát triển có hiệu quả.

Cần động viên hướng các đơn vị kinh tế hợp tác phát huy tốt việc tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, hạn chế đến mức thấp nhất hộ nghèo, không để có hộ đói. Các hợp tác đã có phần đầu không còn hộ nghèo, các đơn vị tổ hợp tác và hợp tác xã mới thành lập phần đầu đến năm 2000 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 5%. Đồng thời cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Thông tri 04 của ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư trong tổ hợp tác và hợp tác xã, trong tổ nhân dân tự quản. Trong đó chú ý tăng cường xây dựng và củng cố phát triển mối quan hệ đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh, phát huy tình làng nghĩa xóm, một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

- Chỉ đạo các hợp tác xã và tổ hợp tác xây dựng và thực hiện tốt các quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là việc công khai tài chính, công khai việc huy động và xây dựng các công trình có liên quan thiết thực đến đời sống của xã viên chú ý ngăn ngừa và khắc phục xu hướng hành chính hóa tổ chức và hoạt động của hợp tác xã và tổ hợp tác, kiên quyết tách hẳn chức năng quản lý hành chính Nhà nước ra khỏi quản lý sản xuất kinh doanh. Bí thư chi bộ Đảng hoặc tổ trưởng Tổ Đảng có thể đồng thời là thành viên Ban quản lý hợp tác xã. Tổ hợp tác do bầu cử dân chủ, nhưng thành viên Ban lãnh đạo áp không được đồng thời là thành viên Ban quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác.

### **3.2.3. Tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc phương châm của Đảng khi thực hiện hợp tác và kinh tế hợp tác**

- *Thứ nhất*, là tự nguyện. Nguyên tắc này được C. Mác Ph.Ăng-ghen và V.I. Lênin đặc biệt lưu ý. Các ông đều nhấn mạnh: tuyệt đối không được cưỡng ép nông dân ( bất kỳ dưới hình thức nào) mà phải để cho người nông dân tự suy nghĩ, thấy rõ lợi ích thiết thân của mình và tự nguyện hợp tác với nhau. Nguyên tắc này không phải là một thủ thuật đối với tâm lý nông dân, để lôi cuốn nông dân, mà trước hết phụ thuộc vào sự phát triển tự nhiên của quá trình kinh tế - xã hội ở nông thôn. Sự phát triển tự nhiên của kinh tế - xã hội đòi hỏi cần có sự hợp tác, vì sự hợp tác ấy đưa lại lợi ích thiết thân cho nông

dân. Sự tác động của nhà nước ở đây chỉ có thể đẩy nhanh quá trình phát triển tự nhiên của kinh tế - xã hội và làm cho nông dân thấy rõ lợi ích thiết thân của mình để tự nguyện hợp tác. Sự can thiệp của con người ở đây nếu trái với tiến trình phát triển tự nhiên sẽ gây nên những tác hại, trái với nguyện vọng và tính tự nguyện hợp tác của nông dân, vi phạm tiến trình phát triển tự nhiên của kinh tế - xã hội.

- *Thứ hai*, là sự giúp đỡ của nhà nước chuyên chính vô sản đối với nông dân về tài chính, cung cấp những tư liệu sản xuất có trình độ kỹ thuật hiện đại, đặc biệt là việc nâng cao trình độ trí thức văn hóa, đào tạo những cán bộ, xã viên hợp tác xã văn minh.

Chế độ hợp tác muốn hình thành không thể thiếu được sự giúp đỡ của giai cấp công nhân và nhà nước chuyên chính vô sản. Nhưng suy đến cùng đây là sự nghiệp do chính nông dân thực hiện. Vì vậy, người nông dân phải đạt được trình độ văn hóa nhất định, trở thành chủ thể tự giác, tự giải phóng mình. Sự giúp đỡ của giai cấp công nhân và nhà nước chuyên chính vô sản chủ yếu nhằm làm cho nông dân tự giác sáng tạo. Cách mạng văn hóa (theo nghĩa rộng) và công tác giáo dục do đó trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình hợp tác hóa.

- *Thứ ba là*, hợp tác phải tiến hành từng bước. Điều đó nhằm một mặt làm cho nông dân thích nghi với phương thức làm ăn mới; mặt khác, cơ bản hơn là để cho phù hợp với tính đặc thù phát triển của kinh tế nông dân và hình thái xã hội nông dân.

Khác với công nghiệp, sản xuất nông nghiệp gắn liền với đất đai, cây trồng và vật nuôi; khác với đô thị, xã hội nông thôn là một cộng đồng tự nhiên tương đối bền vững. Trong sản xuất nông nghiệp không chỉ thuần túy có yếu tố kinh tế tác động, mà còn có yếu tố tâm lý, tình cảm, đạo đức (tình cảm gắn bó với đất đai, cây trồng, vật nuôi...). Ở đây quan hệ tình cảm gia đình, dòng họ, làng xóm đôi khi che lấp quan hệ kinh tế. Sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn diễn ra dần dần, vừa giữ truyền thống, vừa thoát ra khỏi truyền thống, cho nên không thể giản đơn, dễ dàng thay những quan hệ tự nhiên, thuần phát của nông dân bằng những quan hệ khác. Hợp tác hóa ở nông thôn do đó phải được tiến hành từng bước thận trọng, không chỉ chú ý mặt kinh tế, mà còn phải tính đến yếu tố tâm lý, tình cảm, truyền thống của nông thôn. Nếu áp dụng những biện pháp của



công nghiệp vào nông nghiệp, nóng vội hoặc chỉ chú ý từng mặt thì không thể thực hiện thành công hợp tác hóa.

*Thứ tư là*, hình thức và biện pháp hợp tác hóa phải thiết thực, cụ thể, hết sức tránh những biện pháp và hình thức cao xa, mơ hồ. Nông nghiệp là một lĩnh vực sản xuất đặc thù, phức tạp. Quá trình sản xuất của nó không những gắn với từng loại đất đai, cây, con khác nhau, mà còn chịu ảnh hưởng của những phong tục tập quán khác nhau của mỗi vùng, mỗi làng, xóm. Vì vậy, biện pháp và hình thức hợp tác phải thiết thực, cụ thể phù hợp với những điều kiện nhất định. Biện pháp chính để thực hiện thành công hợp tác, theo Lênin, chính là mức độ kết hợp lợi ích tư nhân, lợi ích thương nghiệp tư nhân với việc nhà nước kiểm soát và kiểm tra lợi ích đó, là mức độ làm cho lợi ích tư nhân phục tùng lợi ích chung. Và mức độ ấy lại phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể, có quan hệ trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày.

*Thứ năm là*, hợp tác hóa là quá trình thực hiện liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo, trong đó liên minh kinh tế là chủ yếu. Liên minh kinh tế thể hiện qua trao đổi hàng hóa, liên doanh, liên kết kinh tế giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa kinh tế quốc doanh với các hợp tác xã và nông dân, thể hiện qua những hợp đồng giữa nhà nước với các hợp tác xã và nông dân. Hợp tác hóa chính là quá trình thiết lập ngày càng bền vững sự liên minh kinh tế. Trong sự liên minh ấy nông dân là một chủ thể sản xuất hàng hóa, bình đẳng trước pháp luật và quan hệ thị trường. Thông qua sự giúp đỡ kinh tế, sự kiểm soát của nhà nước, giai cấp công nhân thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với nông dân.

Trước hết, phải thiết lập chính quyền của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân. Đó là yếu tố tiên quyết phương châm của Đảng để định hướng chính trị - kinh tế cho quá trình hợp tác hóa nông nghiệp. Thiếu hoặc không phát huy đầy đủ yếu tố đó thì không thể có phong trào hợp tác hóa nông nghiệp theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong nền kinh tế quốc dân đã xuất hiện thành phần kinh tế chủ đạo xã hội chủ nghĩa, những tư liệu sản xuất cơ bản thuộc về sở hữu nhà nước (do Đảng cộng sản lãnh đạo) thành phần kinh tế chủ đạo thông qua trao đổi hàng hóa, liên kết, liên doanh, tác

động đến sự hình thành các tổ chức kinh tế hợp tác và chuyển hóa chúng theo xu hướng quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tiền đề văn hóa, hợp tác văn minh chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở một trình độ văn hóa nhất định. Tiền đề đó được tạo ra cùng với quá trình hợp tác hóa; mức độ đạt được của phong trào hợp tác hóa phụ thuộc vào trình độ văn hóa, văn minh. Không dựa trên tiền đề văn hóa đạt được thì phong trào hợp tác hóa khó tránh khỏi tính chất phi nhân đạo.

#### **3.2.4. Có giải pháp để huy động các nguồn vốn cho kinh tế hợp tác hoạt động**

Nông nghiệp ở Kiên Giang được xác định có vị trí hết sức quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa nền kinh tế của tỉnh, song việc đầu tư vẫn còn hạn chế. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu. Đối với các hợp tác xã hệ thống cơ sở vật chất phục vụ sản xuất như thủy lợi, giao thông, điện... thiếu nhiều và không có cơ sở bổ sung; vốn cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ ít lại bị chiếm dụng không đáp ứng được nhu cầu cần dịch vụ của hộ xã viên ngày càng đa dạng phong phú. Do vậy để đẩy nhanh nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác xã và kinh tế nông hộ phát triển, cần phải có sự đầu tư thích đáng cho nông nghiệp. Trong đó đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn, đang là yêu cầu cấp bách và phần lớn dựa vào Nhà nước.

Vừa qua một số hợp tác xã trong tỉnh cũng đã đầu tư vào các công trình thủy lợi nhỏ, đường giao thông nông thôn, điện thấp sáng và sản xuất, bơm tưới... từ tiền bán tài sản tập thể và đóng góp hoặc vay của hộ xã viên. Tỉnh cũng đã chi ngân sách đầu tư cho các công trình trên song thực tế còn ít so với yêu cầu. Do đó một mặt đề nghị Trung ương tăng cường hơn nữa đầu tư cho tỉnh Kiên Giang nhất là các công trình thủy lợi, giao thông nông thôn để thúc đẩy kinh tế nông nghiệp tỉnh có điều kiện phát triển, đồng thời ngành điện lực xem xét thanh toán lại tiền huy động xã viên đóng góp hạ thế điện đến hợp tác xã, hiện nay các hợp tác xã rất cần có chính sách hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất ưu đãi nhằm giúp hợp tác xã mở rộng các hoạt động dịch vụ cho hộ xã viên trong thời gian đầu mới thành lập.

Nghị định 15/CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã có nêu: Hợp tác xã nông nghiệp ngoài việc được vay vốn kinh doanh của hệ thống ngân hàng thương mại theo điều kiện và lãi suất của ngân hàng, còn được vay vốn từ các chương trình kinh tế xã hội, quỹ quốc gia giải quyết việc làm, quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các quỹ đầu tư phát triển khác của Nhà nước theo quy định của Chính phủ, được tiếp nhận và thực hiện, chỉ đạo dự án đầu tư từ các nguồn vốn, khoản viện trợ của Nhà nước, tổ chức quốc tế khi hợp tác xã bảo đảm đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước. Do vậy Trung ương cần quan tâm dành các nguồn này đối với tỉnh và tỉnh tạo điều kiện để các hợp tác xã nông nghiệp được giải quyết vay từ các nguồn vốn đó.

Xây dựng thị trường vốn, tiền tệ và tài chính ở nông thôn hiện nay đang là vấn đề quan trọng và rất bức thiết nhằm tạo môi trường thuận lợi cho nông dân, các tổ chức kinh tế mà đặc biệt là hợp tác xã có nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình, các dự án về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đa dạng hóa trồng trọt, chăn nuôi và mở rộng các ngành nghề nông thôn.

Hiện nay tỉnh Kiên Giang đang trong quá trình xây dựng các hợp tác xã theo Luật hợp tác xã mới. Tình trạng thiếu vốn đang gây khó khăn và trở ngại cho các hoạt động của hợp tác xã; vốn của xã viên đóng góp quá ít, vốn vay ngân hàng khó khăn, nhu cầu vốn để chi cho đầu tư mua sắm các loại máy móc thiết bị phương tiện để hoạt động dịch vụ quá lớn.

Do cần phải có chính sách khuyến khích hình thành thị trường vốn, tiền tệ tài chính ở nông thôn như: chính sách tài chính quốc gia bảo trợ cho nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu cho vay giữa các đơn vị kinh tế Nhà nước, kinh tế hợp tác xã và kinh tế hộ, điều chỉnh cơ cấu đầu tư vốn, cho vay giữa các vùng; đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, mở rộng các hợp tác xã tín dụng ở các huyện xã, đồng thời đẩy mạnh hoạt động của ngân hàng nông nghiệp Việt Nam, phát động phong trào nhân dân thi đua tiết kiệm để đầu tư vốn cho sản xuất, có nhiều biện pháp tích cực để thu hút vốn nhàn rỗi trong nhân dân.

Hoạt động của các ngân hàng, nhất là các ngân hàng thương mại phải gắn liền với việc đáp ứng vốn cho các mục tiêu sản xuất kinh doanh, mở rộng hoạt động đến các

vùng nông thôn sâu, vùng xa và vùng dân tộc. Cần phải đơn giản các thủ tục cho vay, xác định đúng đối tượng, kịp thời và chính xác, phải tăng vốn cho vay trung hạn và dài hạn, đối với các ngành có chu kỳ sản xuất và thu hồi vốn chậm; các doanh nghiệp cho vay vốn để phát triển ngành nghề hoặc thay đổi trang thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Gắn liền với việc giải quyết vấn đề vốn cho vay, các ngân hàng cần phải chú ý có mức lãi suất hợp lý.

Ngoài việc huy động vốn trong nước, tỉnh cũng cần phải mở rộng quan hệ quốc tế, tranh thủ thu hút vốn bên ngoài như vốn viện trợ, vốn vay dài hạn lãi suất thấp cho các dự án và chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn cho kinh tế hợp tác hoạt động.

### **3.2.5. Tăng cường vai trò lãnh đạo và giúp đỡ của Nhà nước với kinh tế hợp tác**

Đổi mới hợp tác xã nông nghiệp gắn với quá trình đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, do vậy tỉnh cần tăng cường công tác chỉ đạo quản lý Nhà nước đối với công tác này cả về nhận thức và tổ chức thực hiện, trên các mặt:

- Cần làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương chính sách phát triển hợp tác xã và kinh tế hợp tác. Chính quyền địa phương cần phối hợp chặt chẽ với mặt trận và các đoàn thể quần chúng tổ chức học tập về Luật và các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã để nhân dân nhận thức đúng vai trò của hợp tác xã và kinh tế hợp tác, xóa đi mặc cảm về mô hình hợp tác xã kiểu cũ, tự nguyện tham gia xây dựng phát triển hợp tác xã và kinh tế hợp tác.

- Chỉ đạo thực hiện tốt việc chuyển đổi đăng ký hợp tác xã theo luật hợp tác xã. Cần tiến hành chặt chẽ, tôn trọng nguyên tắc tự nguyện dân chủ, tránh khuynh hướng chủ quan áp đặt hoặc thụ động chờ đợi nhà nước. Xây dựng mô hình hợp tác xã hoạt động khá để nhân rộng ra toàn tỉnh.

- Trên cơ sở khuyến khích của Chính phủ và Chỉ thị của tỉnh, các ngành cần có những hướng dẫn triển khai cụ thể, nhất là vấn đề giải quyết đất đai, ưu đãi thuế, vay vốn, giúp các huyện chỉ đạo xử lý công nợ trong quá trình chuyển đổi bổ sung những chính sách ưu đãi cần thiết đối với chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển ngành nghề.

- Các đơn vị sự nghiệp khoa học có kế hoạch hỗ trợ cho hợp tác xã về khoa học, giúp các hợp tác xã thực hiện nhiệm vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ đến người lao động. Các đơn vị quốc doanh quan tâm mở rộng quan hệ hợp tác liên kết với hợp tác xã trong các lĩnh vực đầu tư sản xuất, đại lý cung ứng vật tư, ủy thác khi thu mua nông sản, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm, sơ chế sản phẩm... để vừa giúp hợp tác xã phát triển vừa đáp ứng hoạt động kinh doanh.

- Củng cố bộ máy quản lý Nhà nước đối với kinh tế hợp tác là lĩnh vực khá quan trọng và phức tạp. Cần thành lập phòng kinh tế hợp tác ở Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, bố trí 2 - 3 cán bộ kinh tế hợp tác am hiểu, có chuyên môn về kinh tế ở các phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện, thị để theo dõi hướng dẫn và giúp đỡ các hợp tác xã trong quá trình đổi mới và phát triển.

- Vấn đề đổi mới hợp tác xã và phát triển các hình thức hợp tác đa dạng ở nông thôn hiện nay là vấn đề lớn có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội nông thôn, do đó đòi hỏi quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện phải có sự đồng bộ của các cấp, các ngành liên quan có như vậy mới đưa Luật hợp tác xã và chính sách của Chính phủ đi vào cuộc sống đáp ứng yêu cầu nguyện vọng của nông dân.

Để thực hiện các phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu và các giải pháp đã nêu trên, điều có ý nghĩa quyết định phải xây dựng tổ chức Đảng ở cơ sở trong sạch, vững mạnh nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước ở cơ sở và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

*- Đối với tổ chức cơ sở Đảng:*

Trước hết tổ chức cơ sở Đảng phải quán triệt và nắm vững chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các cấp ủy phải tuyên truyền đến tận đảng

viên và quần chúng nhân dân thông suốt các nội dung nói trên. Đồng thời vận dụng chủ trương đường lối của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của đơn vị mình, xây dựng thành đề án phát triển kinh tế - xã hội ở từng giai đoạn. Tuyên truyền giáo dục và vận động từ trong Đảng cùng với quần chúng biến đề án thành hiện thực trong cuộc sống.

Tổ chức cơ sở Đảng phải xây dựng trong sạch vững mạnh về mọi mặt, xây dựng đoàn kết nội bộ, phân công đảng viên gắn bó sâu sát với quần chúng, nắm được tâm tư nguyện vọng của quần chúng, kịp thời giải quyết những băn khoăn thắc mắc trong quần chúng, tôn trọng tính tự chủ, tự quản của các đơn vị kinh tế. Cần chống lạm quyền, khắc phục bao biện làm thay hoặc xem nhẹ trách nhiệm lãnh đạo.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở, để thực hiện chăm lo đời sống quần chúng và phát huy quyền làm chủ của quần chúng ở nông thôn, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

*- Đối với vai trò quản lý của Nhà nước ở cơ sở:*

Phải xây dựng chính quyền cơ sở, thực sự là của dân, do dân và vì dân. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, vận động nhân dân thực hiện các quy hoạch, kế hoạch trên và tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn, có hợp tác xã nông nghiệp.

Thực hiện quản lý Nhà nước về kinh tế đối với các thành phần kinh tế trên các mặt, định hướng sản xuất, chấp hành pháp luật, thu hút quản lý đất đai, quản lý lao động, thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an ninh trật tự xã hội, giải quyết các vụ tranh chấp theo thẩm quyền cho phép.

Phối hợp với mặt trận và các đoàn thể, thực hiện tốt thiết chế dân chủ ở địa phương, nhằm đảm bảo kỷ cương pháp luật, tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân, thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Quá trình phát triển kinh tế hợp tác là quá trình tăng cường vai trò Nhà nước đối với thành phần kinh tế này. Nhà nước tăng cường chỉ đạo công tác quy hoạch, phân bổ lực lượng sản xuất, xây dựng chính sách, quản lý các chương trình trong nông nghiệp và nông thôn, thực hiện đầy đủ chức năng quản lý toàn diện về nông nghiệp. Xây dựng các

chính sách tạo điều kiện để đổi mới và phát triển hợp tác xã, bảo hộ quyền lợi hợp pháp, bảo đảm quyền bình đẳng của hợp tác xã trong sản xuất kinh doanh. Nhà nước có chủ trương chính sách cụ thể thiết thực cho kinh tế hợp tác nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng có điều kiện cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác như: chính sách thuế, vốn vay, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, chỉ đạo các doanh nghiệp Nhà nước ưu tiên liên kết làm ăn với các hợp tác xã nhằm cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã, đào tạo cán bộ; chỉ đạo bộ máy các cấp, các ngành, tạo điều kiện cho kinh tế hợp tác và hợp tác xã nói chung có như vậy hợp tác xã nông nghiệp mới phát triển vững chắc làm tốt vai trò vị trí chức năng của mình trong nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không có sự hỗ trợ lãnh đạo của Nhà nước thì kinh tế hợp tác và hợp tác xã không thể phát triển được, ở Kiên Giang nói riêng và cả nước nói chung.

## **kết luận**

1. Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã là con đường tất yếu của kinh tế nông nghiệp trên con đường phát triển từ kinh tế tự nhiên lên kinh tế hàng hóa. Tùy theo điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia mà kinh tế hợp tác ra đời sớm muộn khác nhau với những mô hình, nội dung hoạt động khác nhau. Nhưng dù mang sắc thái đặc thù của từng quốc gia, kinh tế hợp tác vẫn có thuộc tính chung là phát huy sức mạnh của tập thể những người nông dân để thực hiện có hiệu quả những công việc trong quá trình sản xuất nông nghiệp mà từng hộ nông dân không thể giải quyết được. Kiên Giang là một tỉnh, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp nhưng lại có tiềm năng lớn cho sự phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa phong phú, đa dạng. Người nông dân Kiên Giang với nhiều dân tộc cùng chung sống đã từng đổ máu, đổ mồ hôi để giữ và xây dựng Kiên Giang thành một tỉnh giàu, đẹp ở phía Nam của Tổ quốc, nay đang theo con đường của Đảng và Bác Hồ quyết tâm khai thác các thế mạnh của quê hương mình để đưa Kiên Giang trở thành một tỉnh có nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa phát triển trên cơ sở công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, người nông dân Kiên Giang không thể không tiếp tục theo Đảng xây dựng phát triển kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã như là một phương thức hiệu quả nhất để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

2. Khác với hợp tác xã theo tư duy cũ, kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã là một thành phần kinh tế có nhiều hình thức từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã. Hình thức cao nhất là hợp tác xã cổ phần. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, tùy theo trình độ kinh tế, trình độ giác ngộ của người nông dân và tùy theo trình độ tổ chức quản lý ở từng địa phương, tổ chức loại hình kinh tế hợp tác thích hợp. Đó là vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất. Quá trình xây dựng, phát triển kinh tế hợp tác vì vậy, cần tuân thủ các nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ mà các nhà kinh điển, Đảng và Bác Hồ đã căn dặn.

3. Từ khi đất nước được giải phóng, Đảng bộ và nhân dân Kiên Giang đã tích cực thực hiện kinh tế hợp tác. Nhưng do chịu ảnh hưởng của tư duy cũ nên phong trào hợp



tác trước đổi mới ít thu được kết quả. Kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI, nhất là từ khi có NQ 10 Bộ Chính trị nhân dân Kiên Giang đã nhận thức lại, đã triển khai kinh tế hợp tác theo tư duy mới và đã giành được nhiều kết quả tốt đẹp. Số lượng các tổ hợp tác và hợp tác xã tuy chưa nhiều nhưng chất lượng hoạt động thực sự mang đến lợi ích thiết thực cho các thành viên trong các tổ chức; các thành viên cũng thấy cần phải có kinh tế hợp tác và thấy lợi ích của kinh tế hợp tác đối với kinh tế hộ nông dân. Chính vì thế, sự phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Kiên Giang đang trở thành phong trào và được sự hưởng ứng của đông đảo bà con nông dân, đặc biệt là tầng lớp nông dân nghèo và bà con là người dân tộc Khmer.

Tuy nhiên, thời gian ra đời của các tổ hợp tác và hợp tác xã vẫn còn ngắn, nội dung hoạt động còn mới mẻ, cho nên trong quá trình hoạt động nó còn nhiều mặt hạn chế nhất định.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở tỉnh Kiên Giang, phân tích ưu khuyết điểm, tìm ra những nguyên nhân và đề xuất những giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới là hết sức cần thiết.

4. Ngoài những giải pháp đã nêu trong luận án, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị:

*Với Bộ Nông nghiệp và PTNT, các ngành ở Trung ương:*

- Sớm ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 15/CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác. Trong đó cần ưu tiên cho đào tạo cán bộ thuộc hệ thống quản lý Nhà nước đối với hợp tác xã và cán bộ quản lý trực tiếp của hợp tác xã. Chính sách cho vay vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã bằng tín chấp, đặc biệt cho vay mua sắm các phương tiện làm dịch vụ phục vụ sản xuất. Đề nghị miễn giảm thuế cho các hợp tác xã mới được cấp giấy phép kinh doanh, thời gian từ một đến ba năm.

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn cần hỗ trợ cho tỉnh các loại tài liệu để phục vụ cho việc triển khai tuyên truyền về kinh tế hợp tác và Luật hợp tác xã.

- Tổ chức trao đổi kinh nghiệm về chỉ đạo tổ chức hợp tác xã giữa các vùng, các tỉnh cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ và các hợp tác xã điển hình.

*Với Tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh:*

- Tiếp tục quan tâm hơn nữa đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền ở cơ sở đối với công tác triển khai các nội dung có liên quan đến phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, từ trong nội bộ Đảng ra tận quần chúng.

- Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm đưa chỉ tiêu ngân sách các cấp phân chi cho công tác tuyên truyền, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của cơ quan Nhà nước và của hợp tác xã.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp Nhà nước làm dịch vụ đầu vào, đầu ra cho nông nghiệp, phải là chỗ dựa cho hợp tác xã, tạo ra môi liên kết kinh tế để phát huy nội lực.

*Với huyện, thị và các cơ sở:*

- Các huyện, thị cần quan tâm hơn nữa cho các ngành chức năng về nguồn lực, kinh phí và các phương tiện... để làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy và chính quyền, thực hiện vai trò quản lý Nhà nước đối với kinh tế hợp tác.

- Các đoàn thể chính trị phối hợp với các ngành chức năng tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, để đoàn viên, hội viên quán triệt sâu sắc những nội dung có liên quan đến kinh tế hợp tác nông nghiệp trong tỉnh.

- Các sở, ngành có liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã đăng ký kinh doanh, mở tài khoản giao dịch và các thủ tục hành chính khác.

- Chính quyền ở cơ sở tăng cường kiểm tra giám sát các tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã nhằm thực hiện đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã hoạt động theo đúng luật định; nhưng không trực tiếp can thiệp vào công việc nội bộ của các tổ chức đó.



## **Danh mục tài liệu tham khảo**

- [1]. *Báo cáo phân tích thống kê 30 năm hợp tác hóa nông nghiệp*, Tổng cục Thống kê, H, 1989.
- [2]. *Báo cáo tổng kết hợp tác hóa nông nghiệp (1958-1990)* của Tiểu ban Tổng kết hợp tác hóa Nông nghiệp Trung ương 1991.
- [3]. *Báo cáo tình hình một năm thực hiện Luật hợp tác và các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực nông nghiệp*, ngày 02/6/1998 Bộ Nông nghiệp - PTNT.
- [4]. *Báo cáo tình hình một năm thực hiện Luật hợp tác xã trong nông nghiệp, các tỉnh Nam Bộ và Tây Nguyên*, ngày 14/6/1998, Bộ Nông nghiệp -PTNT.
- [5]. *Báo cáo và phương hướng của UBND tỉnh Kiên Giang từ năm 1990 đến năm 1999*.
- [6]. Chỉ thị 100/CT-TW ngày 13/01/1998 của Ban Chấp hành Trung ương về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động.
- [7]. Chỉ thị 68/CT-TW ngày 24/5/1996 của Ban chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế.
- [8]. Nguyễn Sinh Cúc, Nguyễn Văn Tiêm, *Nửa thế kỷ phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam (1945 - 1995)*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 1998.
- [9]. Nguyễn Điền, *Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp nông thôn trên thế giới và Việt Nam*. Nxb Thống kê, 1996.
- [10]. Võ Ngọc Hoài, *Định hướng mô hình hợp tác xã sản xuất trong cơ chế quản lý mới*. Tạp chí Nông nghiệp - công nghiệp thực phẩm, số 8, 1990.
- [11]. *Hợp tác hóa nông nghiệp: tình hình kinh nghiệm nước ngoài*. Nxb Tạp chí NCKT, H, 1989.
- [12]. Lâm Quang Huyền, *Kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác nông nghiệp*. Nxb Khoa học xã hội, 1995.

- [13]. Vũ Khải, Nguyễn Phương Vĩ, *Tài liệu tập huấn Luật hợp tác xã và các Nghị định của Chính phủ quy định việc thi hành trong nông nghiệp*. Nxb Nông nghiệp, 1997.
- [14]. TS Chử Văn Lâm, TS Trần Quốc Toàn và các tác giả, *Hợp tác hóa Nông nghiệp Việt Nam - lịch sử - vấn đề triển vọng* của. Nxb Sự thật, H. 1993.
- [15]. V.I. Lênin, *Bàn về chế độ hợp tác xã*, Toàn tập, Tập 45. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1978.
- [16]. *Luật hợp tác xã của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, 1997.
- [17]. *Lý luận về hợp tác hóa nông nghiệp ở các nước trên thế giới*. Tạp chí nghiên cứu kinh tế, số 178, H, 1990.
- [18]. Các Mác - Ph. Ăngghen, *Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức*, tuyển tập, Tập IV. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984.
- [19]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 2. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981.
- [20]. Nghị quyết 10/NQ-TW ngày 05/9/1988 của Bộ Chính trị *về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*.
- [21]. Nghị quyết 05/NQ-HNTW ngày 10/6/1993 của Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII): *tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn*.
- [22]. Nghị quyết số 04/NQ-HNTW ngày 29/12/1997 của Ban chấp hành Trung ương khóa VIII "về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế xã hội đầu năm 2000".
- [23]. Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 10/11/1998 của Bộ Chính trị *về một số vấn đề cần phát triển nông nghiệp và nông thôn*.
- [24]. *Niên giám thống kê Kiên Giang năm 1990 đến năm 1999*.
- [25]. Lưu Văn Sùng. *Lý luận hợp tác hóa, kinh nghiệm lịch sử và sự vận dụng ở nước ta*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990.

- [26]. Đào Thế Tuấn, *Khảo sát các hình thức tổ chức hợp tác của nông dân nước ta hiện nay*. Nxb Chính trị Quốc gia, 1995.
- [27]. *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ VI - nhiệm kỳ 1996 - 2000*.
- [28]. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VIII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

**[29]. Mục lục**

	Trang
<b>Mở đầu</b>	1
<i>Chương 1: phát triển kinh tế hợp tác - một đòi hỏi bức xúc để đưa kinh tế nông nghiệp lên kinh tế hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa</i>	6
1.1. Những quan điểm cơ bản của các tác giả kinh điển, của một số nhà kinh tế học, của Đảng và Bác Hồ về phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	6
1.1.1. Quan điểm của Mác - Ăngghen, Lênin về một số nhà kinh tế học	6
1.1.2. Các quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	15
1.2. Một số mô hình kinh tế hợp tác ở thế giới và kinh nghiệm rút ra	21
1.3. Khái quát về kinh tế hợp tác nông nghiệp theo nhận thức mới	28
1.4. Phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp - một đòi hỏi bức xúc để đưa nông nghiệp Kiên Giang thành nền nông nghiệp hàng hóa nhằm thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tỉnh Kiên Giang	30
1.4.1. Sự phát triển của kinh tế hộ đòi hỏi phải đẩy mạnh kinh tế	30

hợp tác	
1.4.2. Sự phát triển mạnh mẽ sang nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa đòi hỏi bức xúc phải phát triển kinh tế hợp tác	32
1.4.3. Quá trình thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn đòi hỏi phải đẩy mạnh kinh tế hợp tác	34
1.4.4. Phát triển kinh tế hợp tác là yêu cầu bức xúc nhằm khai thác có hiệu quả cao tiềm năng nông nghiệp ở Kiên Giang	35
<i>Chương 2: thực trạng kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Kiên Giang từ đổi mới cho đến nay</i>	38
2.1. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang	38
2.2. Thực trạng kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Kiên Giang từ khi đất nước đổi mới đến nay	40
<i>Chương 3: Quan điểm và các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở tỉnh kiên giang</i>	63
3.1. Quan điểm phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở Kiên Giang	63
3.1.1. Kinh tế hợp tác phải được đẩy mạnh trên cơ sở duy trì và phát triển kinh tế hộ	63
3.1.2. Phải thực hiện đa dạng hóa các loại hình hợp tác	64
3.1.3. Kinh tế hợp tác phải phát triển trong mối quan hệ gắn bó với các thành phần kinh tế khác	66
3.1.4. Đẩy mạnh kinh tế hợp tác đi đôi với đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi và ứng dụng thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ	67
3.1.5. Phải có sự hỗ trợ của Nhà nước với kinh tế hợp tác	67
3.2. Các giải pháp nhằm phát triển kinh tế hợp tác trong nông	68

nghiệp ở tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới	
3.2.1. Mở rộng công tác tuyên truyền về hợp tác và kinh tế hợp tác và xây dựng điển hình để mọi người dân hiểu rõ, tự nguyện tham gia	68
3.2.2. Xem xét giải thể các hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất không có hiệu quả, chấn chỉnh những hợp tác xã và tập đoàn sản xuất còn tồn tại để hoạt động theo nhận thức mới	71
3.2.3. Tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc phương châm của Đảng khi thực hiện hợp tác và kinh tế hợp tác	78
3.2.4. Có giải pháp để huy động các nguồn vốn cho kinh tế hợp tác hoạt động	81
3.2.5. Tăng cường vai trò lãnh đạo và giúp đỡ của Nhà nước với kinh tế hợp tác	84
<b>Kết luận</b>	88
<b>Tài liệu tham khảo</b>	92